



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÔNG BÁO

Do UBND thành phố Hồ Chí Minh xuất bản

Tháng 8

Số 76 (01/8/2009)

MỤC LỤC

Ngày ban hành	Trích yếu nội dung	Trang
---------------	--------------------	-------

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

08-7-2009	- Chỉ thị số 12/2009/CT-UBND tăng cường thực hiện bảo hiểm y tế tự nguyện và bảo hiểm xã hội tự nguyện trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.	3
09-7-2009	- Chỉ thị số 13/2009/CT-UBND về xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách thành phố năm 2010.	7
10-7-2009	- Quyết định số 52/2009/QĐ-UBND về điều chỉnh Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ thành phố Hồ Chí Minh ban hành kèm theo Quyết định số 76/2007/QĐ-UBND ngày 16 tháng 5 năm 2007 của Ủy ban nhân dân thành phố.	17
14-7-2009	- Quyết định số 53/2009/QĐ-UBND về bãi bỏ Quyết định số 2477/1999/QĐ-UB-NC ngày 29 tháng 4 năm 1999 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc thành lập và ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trung tâm Lưu trữ thuộc Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh.	19
15-7-2009	- Quyết định số 3410/QĐ-UBND về duyệt Nhiệm vụ quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/2000 Khu dân cư Phước Thạnh, xã Phước Thạnh, huyện Củ Chi.	21

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH TÂN

- 06-7-2009 - Quyết định số 10/2009/QĐ-UBND về ban hành Quy chế đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức của quận và 10 phường. 25

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH

- 06-7-2009 - Quyết định số 07/2009/QĐ-UBND ban hành Quy chế về tổ chức và hoạt động của Phòng Văn hóa và Thông tin quận Tân Bình. 30

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN TÂN PHÚ

- 07-7-2009 - Quyết định số 02/2009/QĐ-UBND ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Phòng Nội vụ quận Tân Phú. 40

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CỬ CHI

- 10-7-2009 - Quyết định số 11/2009/QĐ-UBND về việc ban hành Quy chế về mối quan hệ công tác giữa Ủy ban nhân dân huyện và Ban Thường vụ Liên đoàn lao động huyện. 50

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 12/2009/CT-UBND

TP. Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 7 năm 2009

CHỈ THỊ

Tăng cường thực hiện bảo hiểm y tế tự nguyện và bảo hiểm xã hội tự nguyện trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh

Bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế là chính sách lớn của Đảng và Nhà nước, giữ vai trò quan trọng trong việc ổn định đời sống của người lao động và nhân dân khi gặp rủi ro, đau ốm và khi hết tuổi lao động. Thực hiện tốt chính sách bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế sẽ góp phần thực hiện tốt đảm bảo an sinh xã hội, ổn định chính trị và an toàn xã hội.

Trong nhiều năm qua, chính sách bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế đã đi vào cuộc sống. Số người tham gia và thụ hưởng các chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế bắt buộc ngày càng tăng. Tính đến năm 2009, có hơn 40% dân số thành phố có bảo hiểm y tế và hơn 80% người lao động thuộc diện bắt buộc đã tham gia bảo hiểm xã hội.

Đối với người lao động tự do, Luật Bảo hiểm xã hội, Luật Bảo hiểm y tế cho phép được tham gia dưới dạng tự nguyện. Tuy nhiên, việc tổ chức vận động để nhân dân tham gia còn nhiều hạn chế. Đặc biệt những người lao động tự do chưa được biết và thông tin đầy đủ về bảo hiểm xã hội tự nguyện, bảo hiểm y tế tự nguyện.

Để triển khai thực hiện bảo hiểm y tế tự nguyện, bảo hiểm xã hội tự nguyện trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh đúng theo quy định của Luật Bảo hiểm xã hội và Luật Bảo hiểm y tế, đồng thời chuẩn bị tốt cho việc thực hiện bảo hiểm y tế toàn dân từ nay đến năm 2014, Ủy ban nhân dân thành phố chỉ thị các sở - ngành, Ủy ban nhân dân các quận - huyện thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm như sau:

1. Cơ quan bảo hiểm xã hội

a) Phối hợp với các ngành, các đoàn thể, cơ quan thông tin đại chúng và Ủy ban

nhân dân các quận - huyện tổ chức tuyên truyền làm cho tất cả nhân dân trên địa bàn thành phố nắm bắt thông tin để chủ động tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện, bảo hiểm y tế tự nguyện theo đúng quy định.

b) Bố trí, sắp xếp nhân sự, điều kiện cơ sở vật chất để triển khai thực hiện bảo hiểm xã hội tự nguyện, bảo hiểm y tế tự nguyện, tạo điều kiện thuận lợi cho nhân dân khi tham gia.

c) Hướng dẫn hồ sơ, thủ tục đơn giản và tạo điều kiện thuận lợi để triển khai bảo hiểm xã hội tự nguyện tại cơ quan bảo hiểm xã hội các quận - huyện. Biên soạn, cung cấp tài liệu phối hợp với các ngành chức năng và Ủy ban nhân dân các quận - huyện tổ chức tuyên truyền thông tin đầy đủ về bảo hiểm xã hội tự nguyện, bảo hiểm y tế tự nguyện đến nhân dân trên địa bàn thành phố.

d) Hợp đồng với Ủy ban nhân dân các phường - xã, thị trấn tổ chức các điểm thu phí bảo hiểm y tế, tạo điều kiện thuận lợi cho nhân dân đăng ký bảo hiểm y tế tự nguyện ngay tại địa bàn nơi cư trú.

đ) Phối hợp với Sở Y tế có kế hoạch chuẩn bị triển khai bảo hiểm y tế toàn dân từ nay đến năm 2014.

e) Thanh toán chi trả các chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế đúng, đầy đủ, kịp thời cho các đối tượng đủ điều kiện hưởng theo đúng quy định của pháp luật.

g) Tăng cường công tác kiểm tra tại các cơ sở khám chữa bệnh, các đại lý thu bảo hiểm y tế tự nguyện... để có biện pháp ngăn chặn kịp thời tình trạng lạm dụng quỹ khám chữa bệnh bảo hiểm y tế hoặc những sơ hở lỏng lẻo trong việc tổ chức thu phí bảo hiểm y tế tại các đại lý.

h) Quản lý tài chính chặt chẽ, thực hiện đúng các quy định của Nhà nước về chế độ tài chính. Thường xuyên kiểm tra trong nội bộ ngành để ngăn ngừa và phát hiện kịp thời những sai phạm trong việc thực hiện chính sách bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế.

2. Sở Y tế

a) Phối hợp chặt chẽ với cơ quan bảo hiểm xã hội tổ chức triển khai thực hiện đầy đủ những quy định về khám chữa bệnh bảo hiểm y tế, đảm bảo quyền lợi của người bệnh theo đúng quy định của pháp luật.

b) Phối hợp với các ngành chức năng, chuẩn bị các điều kiện cần thiết để tổ chức triển khai tiếp nhận việc khám chữa bệnh bảo hiểm y tế khi thực hiện bảo hiểm y tế toàn dân từ nay đến năm 2014.

c) Chỉ đạo các cơ sở khám chữa bệnh bố trí, sắp xếp nhân sự và điều kiện cơ sở vật chất để tổ chức tốt khám chữa bệnh bảo hiểm y tế. Đặc biệt, có biện pháp điều tiết và đầu tư nâng cao năng lực khám chữa bệnh tại các tuyến cơ sở, các bệnh viện ngoại thành nhằm hạn chế quá tải ở các bệnh viện trung tâm.

d) Chỉ đạo các cơ sở khám chữa bệnh không ngừng nâng chất lượng khám chữa bệnh bảo hiểm y tế, đồng thời có biện pháp ngăn ngừa việc lạm dụng quỹ bảo hiểm y tế trong khám chữa bệnh.

3. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

a) Phối hợp với Ủy ban nhân dân các quận - huyện chỉ đạo các Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội quận - huyện kiểm tra rà soát các đối tượng chính sách có công, đối tượng thuộc diện chính sách xã hội được ngân sách nhà nước cấp kinh phí mua bảo hiểm y tế theo đúng quy định.

b) Lập danh sách các đối tượng được cấp thẻ bảo hiểm y tế từ ngân sách nhà nước sau khi đã được Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt, chuyển cho Bảo hiểm xã hội thành phố trước ngày 20 tháng 12 hàng năm để phát hành thẻ bảo hiểm y tế kịp thời.

4. Sở Thông tin và Truyền thông

a) Phối hợp với Bảo hiểm xã hội thành phố tuyên truyền rộng rãi, kịp thời những chính sách mới có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của đối tượng khi tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện và bảo hiểm y tế tự nguyện thông qua các phương tiện truyền thông đại chúng.

b) Đẩy mạnh các biện pháp tuyên truyền để góp phần ngày càng nâng cao ý thức chia sẻ, có trách nhiệm với cộng đồng của người dân, thực hiện tốt các chính sách an sinh xã hội trên địa bàn thành phố.

5. Ủy ban nhân dân các quận - huyện

a) Tăng cường công tác chỉ đạo các phòng, ban chuyên môn phối hợp với bảo hiểm xã hội các quận - huyện, tuyên truyền, phổ biến tới nhân dân về bảo hiểm xã hội tự nguyện, bảo hiểm y tế tự nguyện. Chỉ đạo các tờ tin và Đài Truyền thanh quận - huyện thông tin tuyên truyền rộng rãi chế độ chính sách bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế giúp người lao động, đặc biệt những người lao động tự do hiểu rõ quyền lợi khi tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện, bảo hiểm y tế tự nguyện.

b) Chỉ đạo Ủy ban nhân dân các phường - xã, thị trấn lồng ghép nội dung tuyên truyền về bảo hiểm xã hội tự nguyện và bảo hiểm y tế tự nguyện trong các kỳ sinh

hoạt khu phố, tổ dân phố. Tổ chức tuyên truyền, phổ biến sâu rộng tại địa bàn dân cư về lợi ích, điều kiện và quyền lợi khi tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế để dân hiểu rõ và thực hiện.

c) Chỉ đạo Ủy ban nhân dân các phường - xã, thị trấn thực hiện việc thu phí bảo hiểm y tế chặt chẽ; Đảm bảo thu phí đúng thời gian quy định không ảnh hưởng đến quyền lợi của dân.

6. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố phát huy tinh thần đoàn kết toàn dân, vận động các tầng lớp nhân dân trên địa bàn dân cư tham gia bảo hiểm y tế tự nguyện, bảo hiểm xã hội tự nguyện với tinh thần tương thân tương ái, chia sẻ rủi ro giữa người khỏe và người bệnh; tham gia giám sát việc thực hiện chính sách bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế ở địa phương; thu thập ý kiến phản ánh của nhân dân về chất lượng khám chữa bệnh bảo hiểm y tế để kiến nghị, yêu cầu ngành chức năng điều chỉnh; chỉ đạo Ban công tác mặt trận phối hợp với tổ dân phố có biện pháp tuyên truyền vận động nhân dân trên các địa bàn khu dân cư, giúp nhân dân nắm rõ chính sách an sinh xã hội và tích cực tham gia bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội tự nguyện.

Chỉ thị này có hiệu lực sau 10 ngày, kể từ ngày ký./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Thị Thu Hà

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 13/2009/CT-UBND

TP. Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 7 năm 2009

CHỈ THỊ

Về xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách thành phố năm 2010

Năm 2010 là năm cuối thực hiện nhiệm vụ kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2006 - 2010, là năm có ý nghĩa rất quan trọng trong việc hoàn thành các mục tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2006 - 2010. Trong bối cảnh tình hình kinh tế thế giới có nhiều biến động phức tạp và khó lường, đặc biệt là sự ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng tài chính và suy thoái kinh tế toàn cầu tới phát triển kinh tế nước ta nói chung và thành phố Hồ Chí Minh nói riêng, nhất là trong năm 2009 và năm 2010. Để góp phần thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần X, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ thành phố lần thứ VIII, Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2006 - 2010 và triển khai thực hiện Chỉ thị số 756/CT-TTg ngày 05 tháng 6 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2010; trên cơ sở dự báo khả năng thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ chủ yếu Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội thành phố năm 2009, Ủy ban nhân dân thành phố chỉ thị Thủ trưởng các sở - ban - ngành thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện, Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc, Giám đốc các Tổng Công ty, Công ty nhà nước thuộc thành phố quản lý khẩn trương xây dựng kế hoạch kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách năm 2010 của cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp mình với những yêu cầu và nội dung chủ yếu sau:

A. NHIỆM VỤ CHỦ YẾU CỦA KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÀ DỰ TOÁN NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ NĂM 2010

I. Nhiệm vụ xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội thành phố năm 2010

Nhiệm vụ trọng tâm của năm 2010 là tiếp tục khắc phục tối đa tác động của suy thoái kinh tế thế giới, giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, phấn đấu phục hồi và đạt tốc độ tăng trưởng kinh tế cao, bền vững, bảo đảm an sinh xã hội và thực hiện thắng lợi nhiệm vụ kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2006 - 2010.

1. Về kinh tế:

a) Tiếp tục tập trung thực hiện các giải pháp để tháo gỡ khó khăn cho sản xuất, kinh doanh, đẩy mạnh đầu tư các công trình dự án có hiệu quả, góp phần thúc đẩy sự phát triển của thành phố. **Phần đầu đạt tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm trong nước trên địa bàn thành phố (GDP) tăng khoảng gấp 1,5 lần so với cả nước.**

Tiếp tục cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, bảo đảm bình đẳng, công khai minh bạch, tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế duy trì, thúc đẩy sản xuất, kinh doanh, bảo đảm việc làm và đời sống cho người lao động, góp phần ổn định an sinh xã hội. Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện Chương trình hành động hội nhập kinh tế quốc tế 2007 - 2010, Chương trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế 2006 - 2010, tạo chuyển biến mạnh hơn về chất lượng tăng trưởng trong từng ngành, lĩnh vực, sức cạnh tranh và hiệu quả của nền kinh tế.

Tập trung phát triển và tổ chức tốt thị trường nội địa để khuyến khích sản xuất và tiêu dùng hàng hóa sản xuất trong nước, đặc biệt là phát triển nhanh mạng lưới phân phối, bán buôn và bán lẻ, đảm bảo cung ứng hàng hóa kịp thời, đầy đủ với giá cả hợp lý, nhất là hàng tiêu dùng thiết yếu. Khôi phục, duy trì tăng trưởng khách du lịch, phát triển thị trường tiềm năng và thị trường mới; tạo chuyển biến mạnh về chất lượng tăng trưởng ngành du lịch. Phát triển và nâng cao chất lượng vận tải, bảo đảm phục vụ tốt lưu thông hàng hóa và nhu cầu đi lại của nhân dân.

Phát triển mạnh 4 ngành công nghiệp cơ khí, điện tử - tin học, hóa chất và chế biến lương thực - thực phẩm giá trị tăng cao. Nâng cao sức cạnh tranh và hiệu quả của sản xuất công nghiệp. Tăng cường đổi mới thiết bị công nghệ, nâng cao chất lượng, giảm chi phí, hạ giá thành sản phẩm, nhất là những mặt hàng thiết yếu và hàng xuất khẩu. Thực hiện có hiệu quả các chính sách hỗ trợ khuyến khích tổ chức, cá nhân trong nước sản xuất, chế tạo sản phẩm công nghiệp đạt tiêu chuẩn xuất khẩu hoặc thay thế hàng nhập khẩu.

Tiếp tục triển khai Chương trình hành động của Thành ủy để thực hiện tốt Nghị quyết Trung ương 7 (khóa X) về nông nghiệp, nông dân, nông thôn, nhằm mục tiêu nâng cao hơn nữa đời sống vật chất, tinh thần của dân cư nông thôn; xây dựng nền nông nghiệp toàn diện theo hướng hiện đại, đổi mới và triển khai các hình thức tổ chức sản xuất, dịch vụ có hiệu quả ở nông thôn. Tiếp tục thực hiện các giải pháp và hỗ trợ sản xuất nông nghiệp, giải quyết việc làm và tăng thu nhập cho nông dân. Duy trì tốc độ tăng trưởng ổn định và bền vững của khu vực nông nghiệp. Đẩy mạnh phát triển chăn nuôi, trồng trọt theo hướng hiệu quả, bền vững và an toàn thực

phẩm. Chú trọng khai thác khai thác hải sản hợp lý, đẩy mạnh nuôi trồng, chế biến và xuất khẩu thủy sản.

b) Đẩy mạnh xuất khẩu, kiểm soát chặt chẽ nhập khẩu, đặc biệt là nhập khẩu hàng hóa tiêu dùng không thiết yếu. Tăng cường hoạt động xúc tiến thương mại và đầu tư; mở rộng và đa dạng hóa thị trường xuất khẩu, chú trọng thúc đẩy xuất khẩu sang các thị trường truyền thống và thị trường mới có nhiều tiềm năng.

c) Tăng cường công tác phối hợp giữa các ngành, các cấp trong hoạt động kiểm tra, kiểm soát giá cả, thị trường; xử lý nghiêm các hành vi vi phạm về giá, gian lận thương mại, đầu cơ, buôn lậu. Tăng cường công tác kiểm tra sau thông quan, tập trung thu hồi nợ thuế.

d) Huy động và sử dụng có hiệu quả mọi nguồn lực cho đầu tư phát triển; tập trung giải ngân nhanh các công trình, dự án đầu tư từ các nguồn vốn ngân sách, nguồn vốn ODA, FDI và các nguồn vốn dân doanh; đặc biệt chú trọng giải ngân đối với các công trình, dự án đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước; đẩy nhanh tiến độ đền bù giải phóng mặt bằng, tái định cư để triển khai các dự án đầu tư, nhất là các dự án có quy mô lớn, sớm đưa công trình vào khai thác, góp phần nâng cao hiệu quả và tăng trưởng kinh tế của thành phố.

đ) Triển khai các giải pháp kích cầu đầu tư, nhất là những công trình hạ tầng kinh tế - xã hội cấp thiết và có hiệu quả, đi đôi với tăng cường quản lý, khắc phục những tồn tại, yếu kém trong lĩnh vực đầu tư công. Nghiên cứu, ban hành các giải pháp cơ chế, chính sách thu hút vốn của thành phần kinh tế trong và ngoài nước đầu tư thực hiện các mục tiêu của kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2010.

2. Về phát triển khoa học - công nghệ, giáo dục - đào tạo, bảo đảm an sinh xã hội và các lĩnh vực khác:

a) Đẩy mạnh nghiên cứu và ứng dụng thành tựu khoa học công nghệ vào các lĩnh vực của đời sống kinh tế - xã hội; đặc biệt trong lĩnh vực quản lý đô thị, bảo vệ môi trường và phát triển các sản phẩm chủ lực, phục vụ chương trình hỗ trợ chuyển dịch cơ cấu kinh tế thành phố. Khuyến khích đầu tư đổi mới công nghệ trong các ngành sản xuất và dịch vụ chủ yếu để nâng cao hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế.

b) Nâng cao chất lượng giáo dục - đào tạo, tiếp tục thực hiện đổi mới chương trình, nội dung, phương pháp giảng dạy ở các bậc học, cấp học, ngành học; nâng cao đồng đều chất lượng giáo dục nội thành và ngoại thành, giáo dục hướng nghiệp và dạy nghề phổ thông; củng cố và mở rộng mạng lưới trường lớp, đáp ứng nhu cầu học tập của nhân dân; nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên và cơ sở vật chất của nhà trường.

Đẩy mạnh xã hội hóa, huy động nguồn lực của xã hội đầu tư vào các lĩnh vực giáo dục - đào tạo, y tế, văn hóa và thể dục thể thao. Tập trung chỉ đạo, đẩy nhanh tiến độ đầu tư nhà ở cho sinh viên trên địa bàn thành phố.

Nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh nhằm chăm sóc tốt sức khỏe cho nhân dân. Phát triển hệ thống y tế dự phòng để chủ động phòng, chống các dịch bệnh nguy hiểm đối với người. Tăng cường kiểm tra, kiểm soát chất lượng và giá thuốc. Tăng cường công tác quản lý chất lượng, vệ sinh an toàn thực phẩm trên địa bàn.

c) Thực hiện có hiệu quả các chính sách an sinh xã hội, đặc biệt là công tác giảm nghèo, tạo việc làm. Đẩy mạnh phong trào Đền ơn đáp nghĩa, tích cực chăm lo cho diện chính sách, các đối tượng xã hội, người già, người khuyết tật, trẻ em mồ côi, cơ nhỡ.

d) Giải quyết có hiệu quả những vấn đề xã hội bức xúc, tăng cường chăm lo cải thiện và nâng cao chất lượng sống của nhân dân. Thường xuyên rà soát, tăng cường chấn chỉnh việc thực hiện các quy định của pháp luật về phí, lệ phí và chính sách huy động, sử dụng các khoản đóng góp của nhân dân. Bảo đảm trật tự an toàn giao thông, triển khai các biện pháp đồng bộ để giảm thiểu tình trạng ùn tắc giao thông.

3. Về bảo vệ môi trường:

a) Sử dụng hợp lý, có hiệu quả và bền vững tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ môi trường ở các lưu vực sông Sài Gòn, sông Đồng Nai. Tập trung giải quyết cơ bản tình trạng ô nhiễm môi trường ở các khu dân cư, các khu chế xuất - khu công nghiệp, các cụm công nghiệp, khu đô thị mới; tăng cường kiểm soát các nguồn nước thải ra sông; xử lý triệt để các cơ sở sản xuất gây ô nhiễm môi trường và chất thải nguy hại, chất thải y tế.

b) Tăng cường công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức và ý thức trách nhiệm của toàn xã hội trong gìn giữ và bảo vệ môi trường. Có giải pháp nâng cao khả năng phòng tránh và hạn chế tác động xấu của thiên tai, sự biến đổi khí hậu bất lợi đối với môi trường; ứng cứu kịp thời và khắc phục hậu quả xấu do thiên tai gây ra.

c) Tiếp tục thực hiện có hiệu quả chương trình chống và xóa ngập nước. Tăng cường phát triển nguồn và mạng cấp nước đô thị; nâng cấp và cải tạo hệ thống nước để cung cấp nước sạch cho người dân, đảm bảo việc cung cấp nước đạt hiệu quả cao và sử dụng tiết kiệm.

4. Đẩy mạnh cải cách hành chính; nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý của bộ máy nhà nước; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; phòng, chống tham nhũng:

a) Tiếp tục thực hiện có hiệu quả Đề án đơn giản hóa thủ tục hành chính (Đề án 30). Tăng cường củng cố và nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của chính quyền các cấp, đặc biệt là mở rộng mô hình “một cửa liên thông”, rút ngắn thời gian giải quyết hồ sơ của công dân và doanh nghiệp. Tiếp tục ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác quản lý nhà nước; công khai các quy trình, thủ tục hành chính cho công dân, doanh nghiệp thực hiện và giám sát. Phát huy dân chủ cơ sở, tăng cường đối thoại giữa các ngành, các cấp với cộng đồng doanh nghiệp và dân cư.

b) Tăng cường công tác thực hành tiết kiệm và chống lãng phí, nâng cao hiệu quả sử dụng ngân sách nhà nước. Kịp thời phát hiện, ngăn chặn, xử lý nghiêm minh các hành vi vi phạm về đầu tư và xây dựng, gây lãng phí, thất thoát vốn đầu tư của Nhà nước.

c) Tăng cường công tác phòng, chống tham nhũng; nhất là trong các lĩnh vực quản lý đất đai, đầu tư xây dựng, thu chi ngân sách, quản lý tài chính công, công tác đề bạt và bố trí cán bộ. Thực hiện tốt công tác tiếp công dân và giải quyết khiếu nại, tố cáo; phối hợp đồng bộ giữa các sở - ngành, quận - huyện trong việc giải quyết dứt điểm những vụ khiếu tố, khiếu nại của công dân.

5. Bảo đảm giữ vững ổn định chính trị và trật tự an toàn xã hội. Nâng cao hiệu quả công tác đối ngoại, công tác thông tin tuyên truyền. Kết hợp chặt chẽ phát triển kinh tế - xã hội với củng cố quốc phòng, an ninh. Đẩy mạnh phong trào quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc; kết hợp chặt chẽ giữa chính quyền địa phương với lực lượng công an trong công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm. Tăng cường công tác phòng cháy, chữa cháy; triển khai công tác phòng, chống thiên tai, lụt, bão.

6. Nâng cao chất lượng công tác thống kê, phân tích, nghiên cứu dự báo và thông tin kinh tế trong nước và quốc tế để có điều chỉnh linh hoạt, kịp thời các chính sách và giải pháp trong mọi tình huống.

II. Nhiệm vụ xây dựng dự toán ngân sách thành phố năm 2010

1. Dự toán thu ngân sách nhà nước của thành phố năm 2010 phải được xây dựng theo đúng chính sách, chế độ và trên cơ sở bám sát dự báo tình hình thực hiện kế hoạch kinh tế - xã hội, thu - chi ngân sách năm 2009 và dự báo tăng trưởng kinh tế và nguồn thu năm 2010 đối với toàn thành phố cũng như từng ngành, từng lĩnh vực thu, các cơ sở kinh tế hoạt động trên địa bàn và nguồn thu mới dự kiến phát sinh để tính đúng, tính đủ từng lĩnh vực thu, từng sắc thuế theo đúng quy định; triển khai việc hướng dẫn lập dự toán thu ngân sách nhà nước năm 2010 của các quận - huyện. Dự toán thu ngân sách nhà nước năm 2010 phải đảm bảo tính tích cực, bám sát dự báo

các ảnh hưởng tác động của tình hình thế giới, tình hình phát triển của kinh tế trên địa bàn thành phố, các chính sách, chế độ thu; các giải pháp trong việc tăng cường quản lý thu, chống thất thu, trốn lậu thuế, chống buôn lậu và gian lận thương mại, xử lý dứt điểm các khoản nợ đọng thuế.

Đối với các chương trình, dự án sử dụng nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) thực hiện lập dự toán đầy đủ theo đúng trình tự, quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn, các nghị định của Chính phủ về quản lý đầu tư và xây dựng cơ bản, quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA), trong đó chú ý lập chi tiết vốn ODA, vốn đối ứng cho từng chương trình, dự án, theo tính chất nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản và kinh phí sự nghiệp, bảo đảm phù hợp với tiến độ thực hiện.

2. Dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2010 được xây dựng trên cơ sở các quy định pháp luật về chế độ, chính sách, định mức hiện hành và yêu cầu kinh phí thực hiện các chức năng, nhiệm vụ quan trọng, đảm bảo yêu cầu triệt để thực hành tiết kiệm, chống lãng phí ngay từ khâu xây dựng dự toán.

Dự toán chi cân đối ngân sách được xây dựng trong phạm vi nguồn thu thành phố được hưởng trong thời kỳ ổn định theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước; theo hướng tiếp tục quán triệt các giải pháp về tiết kiệm chi tiêu, nâng cao hiệu quả đầu tư từ ngân sách để góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế bền vững và đảm bảo an sinh xã hội. Khi bố trí dự toán chi ngân sách cần chú ý:

a) Xây dựng dự toán chi đầu tư phát triển theo hướng tiếp tục quán triệt việc thực hiện các giải pháp về rà soát, sắp xếp, điều chỉnh lại vốn đầu tư, tập trung nâng cao hiệu quả sử dụng vốn đầu tư trong quá trình tổ chức thực hiện, góp phần ổn định kinh tế vĩ mô, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế.

b) Tập trung bố trí chi đầu tư phát triển cho các chương trình phát triển kinh tế - xã hội, công tác giảm nghèo giai đoạn 2006 - 2010, trong đó ưu tiên vốn các dự án, công trình trọng điểm quốc gia, các mục tiêu ưu tiên đầu tư của Nhà nước; tiếp tục ưu tiên bố trí vốn đầu tư phát triển nguồn nhân lực cho lĩnh vực giáo dục - đào tạo, y tế, khoa học - công nghệ, chăm sóc sức khỏe nhân dân, bảo vệ môi trường, phát triển nông nghiệp nông thôn, an ninh, quốc phòng.

c) Bố trí dự toán chi đầu tư phát triển năm 2010 tập trung để bảo đảm đủ vốn đối ứng cho các dự án ODA; tập trung vốn cho các công trình, dự án chuyển tiếp có hiệu quả, các dự án, công trình trọng điểm, có hiệu quả, cấp bách đề điều, thủy lợi, phát triển giao thông nông thôn, hạ tầng du lịch... hoàn thành đưa vào sử dụng trong năm

2010; đảm bảo vốn cho công tác chuẩn bị đầu tư; thanh toán khoản nợ khối lượng xây dựng cơ bản đã hoàn thành của các công trình; bố trí hoàn trả vốn ứng trước theo quy định. Số vốn còn lại bố trí cho các dự án, công trình khởi công mới, trong đó ưu tiên vốn các dự án, công trình trọng điểm quốc gia, các dự án đã được phê duyệt và có đầy đủ thủ tục đầu tư; kiên quyết đình hoãn, giãn khởi công và không bố trí vốn các dự án không có trong quy hoạch được duyệt, chưa đủ thủ tục theo quy định, còn nhiều vướng mắc về thủ tục đầu tư, chưa giải phóng mặt bằng, các dự án khác chưa thật sự cấp bách, không mang lại hiệu quả.

d) Chi phát triển sự nghiệp giáo dục - đào tạo, văn hóa, y tế, môi trường, khoa học - công nghệ, xã hội, quốc phòng, an ninh, quản lý hành chính nhà nước, hoạt động của Đảng, các đoàn thể theo đúng chính sách, chế độ, định mức hiện hành; ưu tiên phát triển nguồn nhân lực; bảo đảm bố trí chi ngân sách cho các lĩnh vực giáo dục và đào tạo, lĩnh vực khoa học và công nghệ, lĩnh vực văn hóa thông tin, sự nghiệp bảo vệ môi trường.

đ) Chủ động xây dựng dự toán kinh phí để tổ chức xây dựng quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội thành phố giai đoạn đến năm 2020 và hướng đến năm 2025 và Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2011 - 2015 để trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

e) Trong quá trình xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2010, phải cơ cấu lại nhiệm vụ chi ngân sách nhà nước cho phù hợp, trên cơ sở thực hiện giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước; đơn vị sự nghiệp công lập; đồng thời, thực hiện thí điểm chuyển một số đơn vị sự nghiệp công lập có điều kiện sang hoạt động theo cơ chế doanh nghiệp.

g) Chủ động cân đối nguồn chi từ ngân sách nhà nước để bảo đảm thực hiện chi cải cách tiền lương thời gian tới; đồng thời tiếp tục huy động các nguồn tài chính khác theo quy định để chủ động thực hiện. Các sở - ban - ngành, quận - huyện, các đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước chủ động tiếp tục thực hiện đầy đủ, đúng quy định các biện pháp tạo nguồn cải cách tiền lương theo quy định. Ưu tiên dành các khoản tăng thu ngân sách để bố trí cho các nhiệm vụ chi đầu tư phát triển, chi sự nghiệp giáo dục và đào tạo, dạy nghề, dự phòng ngân sách và các nhiệm vụ chi cấp bách, các nhiệm vụ chi mới phát sinh.

h) Cùng với việc xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2010, các sở - ban - ngành, quận - huyện, các đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước chủ động đánh giá, phân tích cụ thể kết quả chi tiêu ngân sách năm 2009; tập trung chỉ đạo, tổ chức thực

hiện công tác quyết toán và kiểm tra phê duyệt quyết toán ngân sách năm 2008 theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước; thực hiện công khai quyết toán ngân sách nhà nước năm 2007; tiến hành xử lý, giải quyết ngay từ khâu xây dựng dự toán những tồn tại, sai phạm đã được cơ quan thanh tra, kiểm toán phát hiện và kiến nghị theo đúng quy định của pháp luật.

i) Trong quá trình xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2010, các sở - ban - ngành, quận - huyện, đơn vị phải quán triệt thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và phòng, chống tham nhũng; bảo đảm việc xây dựng dự toán ngân sách, bố trí, sử dụng ngân sách thực sự tiết kiệm và có hiệu quả.

B. NỘI DUNG VÀ TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN

I. Nội dung

Kế hoạch kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách thành phố năm 2010 cần được chuẩn bị khẩn trương, nghiêm túc.

1. Nội dung kế hoạch phải bao quát hoạt động của các ngành, các cấp, các thành phần kinh tế trên địa bàn, kết hợp chặt chẽ giữa kế hoạch phát triển kinh tế với kế hoạch phát triển văn hóa - xã hội, giữ vững ổn định chính trị, đảm bảo quốc phòng - an ninh. Những giải pháp và biện pháp tổ chức thực hiện phải cụ thể, phân công trách nhiệm rõ ràng cho từng cơ quan đơn vị; xác định rõ phương thức, điều kiện và thời gian tổ chức thực hiện.

2. Trên cơ sở tình hình thực hiện kế hoạch kinh tế - xã hội thành phố 6 tháng đầu năm, dự ước cả năm 2009 và các chỉ tiêu chủ yếu còn lại của kế hoạch 5 năm 2006 - 2010, từng ngành, từng địa phương, đơn vị:

a) Tổ chức đánh giá nghiêm túc tình hình thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2009 trên cơ sở đánh giá đầy đủ tình hình thực hiện các kết luận của Thành ủy, các nghị quyết của Hội đồng nhân dân và quyết định của Ủy ban nhân dân thành phố về thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2009, trong đó đặc biệt chú trọng đánh giá tình hình triển khai thực hiện Nghị quyết số 30/2008/NQ-CP; các cơ chế, chính sách và giải pháp mà Chính phủ đã ban hành trong năm 2009 nhằm ngăn chặn suy giảm kinh tế, duy trì tăng trưởng kinh tế và bảo đảm an sinh xã hội.

b) Đánh giá khách quan, trung thực các kết quả đạt được trong năm 2009 so với mục tiêu, nhiệm vụ và chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2009 đã đề ra; đồng thời, so sánh với mục tiêu, nhiệm vụ mà các

cấp, các ngành đã đề ra trong kế hoạch 5 năm 2006 - 2010 theo Nghị quyết Đại hội Đảng bộ thành phố lần thứ VIII.

c) Tổ chức đánh giá sơ bộ kết quả thực hiện nhiệm vụ kinh tế - xã hội 4 năm (2006 - 2009) của ngành, địa phương, đơn vị mình. Báo cáo đánh giá phải nêu rõ những mặt làm được, mặt chưa làm được, những khó khăn, tồn tại, phân tích đầy đủ những nguyên nhân, rút ra những bài học kinh nghiệm trong chỉ đạo, điều hành; đề xuất những biện pháp, giải pháp thực hiện và các kiến nghị.

d) Xác định mục tiêu và nhiệm vụ kế hoạch năm 2010 phải căn cứ mục tiêu của kế hoạch 5 năm 2006 - 2010, tình hình thế giới và trong nước; đồng thời, phải căn cứ các yêu cầu phát triển đất nước trong giai đoạn sắp tới.

đ) Xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2010 phải gắn kết với khả năng cân đối nguồn lực và khả năng thực hiện của các cấp, các ngành để bảo đảm tính khả thi, nâng cao hiệu quả sử dụng các nguồn lực.

3. Về xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2010 của thành phố thực hiện theo Công văn số 3215/UBND-TM ngày 30 tháng 6 năm 2009 của Ủy ban nhân dân thành phố.

II. Tiến độ thực hiện

1. Ủy ban nhân dân thành phố chủ trì tổ chức hướng dẫn khung Kế hoạch kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách năm 2010 cho các sở - ban - ngành, quận - huyện, các doanh nghiệp nhà nước thuộc thành phố trong tháng 7 năm 2009.

2. Trên cơ sở khung hướng dẫn, các sở - ban - ngành, quận - huyện, các doanh nghiệp nhà nước thuộc thành phố khẩn trương xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách năm 2010, gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư và Sở Tài chính trước ngày 25 tháng 7 năm 2009.

3. Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp Sở Tài chính, Cục Thuế tổng hợp nội dung báo cáo của các sở - ban - ngành, quận - huyện, các doanh nghiệp nhà nước thuộc thành phố để dự thảo sơ bộ Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách thành phố năm 2010, trình Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, thông qua và gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính, Kiểm toán Nhà nước trước ngày 30 tháng 7 năm 2009.

4. Ủy ban nhân dân thành phố quyết định phương án phân bổ, giao kế hoạch nhiệm vụ kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách năm 2010 cho sở - ban - ngành, quận - huyện và các doanh nghiệp nhà nước thuộc thành phố trước ngày 10 tháng 12 năm 2009.

5. Căn cứ quyết định giao chỉ tiêu, nhiệm vụ kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách năm 2010 của Ủy ban nhân dân thành phố, Thủ trưởng các sở - ban - ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện, Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Giám đốc các doanh nghiệp nhà nước thuộc thành phố phân bổ, giao chỉ tiêu, nhiệm vụ và dự toán ngân sách cho từng đơn vị trực thuộc trước ngày 31 tháng 12 năm 2009.

Yêu cầu Thủ trưởng các sở - ban - ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện, Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc các doanh nghiệp nhà nước thuộc thành phố tập trung chỉ đạo và tổ chức thực hiện nghiêm túc Chỉ thị này, nhằm đảm bảo công tác xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách thành phố năm 2010 đáp ứng các yêu cầu về nhiệm vụ, nội dung và tiến độ quy định./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Lê Hoàng Quân

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 52/2009/QĐ-UBND

TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 7 năm 2009

QUYẾT ĐỊNH

**Về điều chỉnh Điều lệ tổ chức và hoạt động của
Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ thành phố Hồ Chí Minh
ban hành kèm theo Quyết định số 76/2007/QĐ-UBND ngày 16
tháng 5 năm 2007 của Ủy ban nhân dân thành phố**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Khoa học và công nghệ ngày 08 tháng 6 năm 2000; Nghị định số 81/2002/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoa học và công nghệ;

Căn cứ Quyết định số 117/2005/QĐ-TTg ngày 27 tháng 5 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Điều lệ mẫu tổ chức và hoạt động của Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ của Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Xét đề nghị của Chủ tịch Hội đồng Quản lý Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ thành phố tại Công văn số 137/SKH-CN-QPT ngày 27 tháng 02 năm 2009 và của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 781/TTr-SNV ngày 27 tháng 5 năm 2009,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay điều chỉnh gạch đầu dòng thứ 7, điểm c, khoản 1, Điều 8 Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ thành phố Hồ Chí Minh (ban hành kèm theo Quyết định số 76/2007/QĐ-UBND ngày 16 tháng 5 năm 2007 của Ủy ban nhân dân thành phố về thành lập Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ thành phố Hồ Chí Minh) như sau:

“- Được hưởng một khoản phí quản lý (gồm chi phí hoạt động, tiền phụ cấp cho các thành viên Hội đồng quản lý, Hội đồng thẩm định) trong nguồn quỹ hàng năm trên tinh thần bảo toàn và phát triển nguồn vốn Quỹ”

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày, kể từ ngày ký. Giữ nguyên các nội dung khác quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ thành phố Hồ Chí Minh (ban hành kèm theo Quyết định số 76/2007/QĐ-UBND ngày 16 tháng 5 năm 2007 của Ủy ban nhân dân thành phố về thành lập Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ thành phố Hồ Chí Minh).

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Nội vụ, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ, Giám đốc Sở Tài chính, Tổng Giám đốc Quỹ Đầu tư phát triển đô thị thành phố, Thủ trưởng các Sở - ngành có liên quan và Chủ tịch Hội đồng Quản lý Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ thành phố chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC

Nguyễn Thành Tài

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 53/2009/QĐ-UBND

TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 7 năm 2009

QUYẾT ĐỊNH

**Về bãi bỏ Quyết định số 2477/1999/QĐ-UB-NC
ngày 29 tháng 4 năm 1999 của Ủy ban nhân dân thành phố
về việc thành lập và ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động
của Trung tâm Lưu trữ thuộc Văn phòng Ủy ban nhân dân
thành phố Hồ Chí Minh**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 13/2008/NĐ-CP ngày 04 tháng 02 năm 2008 của Chính phủ Quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Thông tư số 04/2008/TT-BNV ngày 04 tháng 6 năm 2008 của Bộ Nội vụ hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Nội vụ, Phòng Nội vụ thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện và Thông tư số 06/2008/TT-BNV ngày 21 tháng 8 năm 2008 hướng dẫn sửa đổi, bổ sung khoản 2 Mục III Phần I Thông tư số 04/2008/TT-BNV ngày 04 tháng 6 năm 2008 của Bộ Nội vụ;

Căn cứ Quyết định số 56/2008/QĐ-UBND ngày 23 tháng 6 năm 2008 của Ủy ban nhân dân thành phố về sáp nhập Ban Thi đua - Khen thưởng, Ban Tôn giáo và Dân tộc vào Sở Nội vụ và bổ sung chức năng giúp Ủy ban nhân dân thành phố tổ chức, quản lý về văn thư lưu trữ nhà nước cho Sở Nội vụ;

Căn cứ Quyết định số 98/2008/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Ủy ban nhân dân thành phố về chuyển Trung tâm Lưu trữ thuộc Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thành phố (nay là Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố) về Sở Nội vụ thành phố quản lý;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 826/TTr-SNV ngày 08 tháng 6 năm 2009,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay bãi bỏ Quyết định số 2477/1999/QĐ-UB-NC ngày 29 tháng 4 năm 1999 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc thành lập và ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trung tâm Lưu trữ thuộc Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh.

Trung tâm Lưu trữ thành phố tiếp tục hoạt động, chịu sự quản lý trực tiếp của Sở Nội vụ theo Quyết định số 98/2008/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Ủy ban nhân dân thành phố về chuyển Trung tâm Lưu trữ thuộc Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thành phố (nay là Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố) về Sở Nội vụ thành phố quản lý.

Giám đốc Sở Nội vụ chỉ đạo việc xây dựng và quyết định ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trung tâm Lưu trữ thành phố theo thẩm quyền.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày, kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Nội vụ, Giám đốc Trung tâm Lưu trữ thành phố, Thủ trưởng các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC

Nguyễn Thành Tài

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 3410/QĐ-UBND

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 7 năm 2009

QUYẾT ĐỊNH

**Về duyệt Nhiệm vụ quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/2000
Khu dân cư Phước Thạnh, xã Phước Thạnh, huyện Củ Chi**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 08/2005/NĐ-CP ngày 24 tháng 01 năm 2005 của Chính phủ về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Quy chuẩn, Tiêu chuẩn Xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 93/2008/QĐ-UBND ngày 26 tháng 12 năm 2008 của Ủy ban nhân dân thành phố về thẩm quyền thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ, đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị và quy hoạch xây dựng điểm dân cư nông thôn trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chung huyện Củ Chi đến năm 2020 đã được Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt tại Quyết định số 2675/QĐ-UB ngày 21 tháng 6 năm 2007;

Xét đề nghị của Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi tại Công văn số 2866/UBND-CT ngày 08 tháng 10 năm 2008 và Tờ trình số 1316/TTr-SQHKT ngày 20 tháng 5 năm 2009 của Sở Quy hoạch - Kiến trúc về trình duyệt nhiệm vụ quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/2000 Khu dân cư Phước Thạnh, xã Phước Thạnh, huyện Củ Chi,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Duyệt nhiệm vụ quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/2000 Khu dân cư Phước Thạnh, xã Phước Thạnh, huyện Củ Chi với các nội dung chính như sau:

1. Vị trí, quy mô và giới hạn phạm vi quy hoạch:

- Quy mô khu vực quy hoạch: 54,4ha.
- Vị trí và giới hạn phạm vi quy hoạch:
 - + Phía Đông và Đông Nam : giáp đường nhựa hiện hữu.
 - + Phía Tây Bắc : giáp Tỉnh lộ 7.
 - + Phía Tây Nam : giáp Quốc lộ 22.
 - + Phía Đông Bắc : giáp khu dân cư hiện hữu và đất nông nghiệp.

2. Lý do và sự cần thiết phải lập nhiệm vụ quy hoạch:

Việc điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị tỷ lệ 1/2000 khu dân cư Phước Thạnh nhằm phù hợp với tình hình phát triển kinh tế xã hội trong giai đoạn hiện nay, đồng thời định hướng phát triển trong tương lai phù hợp với định hướng điều chỉnh quy hoạch chung huyện Củ Chi đã được Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt nhiệm vụ tại Quyết định số 2675/QĐ-UBND ngày 21 tháng 6 năm 2007.

3. Mục tiêu của nhiệm vụ quy hoạch:

- Đảm bảo phát triển khu vực theo đúng quy hoạch chung của huyện, hạn chế phát triển tự phát.
- Khai thác có hiệu quả giá trị sử dụng đất để phát triển kinh tế xã hội khu vực phù hợp xu hướng phát triển chung trên địa bàn huyện.
- Phát triển đồng bộ về hạ tầng xã hội và hạ tầng kỹ thuật.
- Tạo cơ sở pháp lý để quản lý đất đai, quản lý đầu tư xây dựng theo quy hoạch.
- Xác định được tính chất, chức năng, các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật, quy mô dân số và quỹ đất phát triển đô thị.

4. Cơ cấu sử dụng đất và chỉ tiêu quy hoạch - kiến trúc:**4.1. Cơ cấu sử dụng đất:**

- Đất đơn vị ở: 47,72ha - chiếm tỷ lệ 87,72% phạm vi khu quy hoạch, bao gồm:
 - + Đất nhóm nhà ở: 30,4 ha - chiếm tỷ lệ 55,88%.
 - + Đất công trình dịch vụ cấp đơn vị ở: 3,76ha - chiếm tỷ lệ 6,91%.
 - + Đất cây xanh sử dụng công cộng: 3,35ha - chiếm tỷ lệ 6,16%.
 - + Đất giao thông cấp phân khu vực: 10,21ha - chiếm tỷ lệ 18,77%.

- Đất ngoài đơn vị ở: 6,68ha - chiếm tỷ lệ 12,28% phạm vi khu quy hoạch, gồm:
- + Đất giao thông cấp đô thị: 4,65ha - chiếm tỷ lệ 8,55%.
- + Đất công trình công cộng cấp huyện: 2,03ha - chiếm tỷ lệ 3,73%.

4.2. Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật:

Số TT	Loại chỉ tiêu	Đơn vị tính	Chỉ tiêu	
1	Dân số dự kiến	người	5.500	
2	Mật độ xây dựng	%	25 - 30	
3	Tầng cao xây dựng	Tối đa	tầng	05
		Tối thiểu	tầng	01
4	Hệ số sử dụng đất		1,2 - 1,5	
5	Đất đơn vị ở	m ² /ng	80 - 90	
	+ Đất nhóm nhà ở	m ² /ng	55 - 60	
	+ Đất công trình công cộng cấp đơn vị ở	m ² /ng	6 - 8	
	+ Đất cây xanh sử dụng công cộng	m ² /ng	8 - 12	
	+ Đất giao thông cấp phân khu vực	m ² /ng	17 - 19	
6	Chỉ tiêu hạ tầng kỹ thuật			
	+ Tiêu chuẩn cấp nước	lít/người/ngày	150 - 180	
	+ Tiêu chuẩn thoát nước	lít/người/ngày	150 - 180	
	+ Tiêu chuẩn cấp điện	kwh/người/năm	1.000	
	+ Tiêu chuẩn rác thải và vệ sinh môi trường	kg/người/ngày	1	

5. Lưu ý khi triển khai giai đoạn đồ án:

- Nghiên cứu khai thác đất trống và đất nông nghiệp hợp lý.
- Đảm bảo kết nối hạ tầng chung toàn khu vực và sử dụng giao thông hiện hữu.
- Rà soát kỹ về quy mô dân số và các chỉ tiêu quy hoạch kiến trúc đảm bảo phù hợp với định hướng điều chỉnh quy hoạch chung huyện Củ Chi. Đồng thời, bố trí các chức năng công trình công cộng và công viên cây xanh đảm bảo tính khả thi, bán kính phục vụ hợp lý.

Điều 2. Căn cứ nội dung Quyết định phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/2000 Khu dân cư Phước Thạnh, xã Phước Thạnh này, Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi phối hợp với đơn vị tư vấn thiết kế lập đồ án quy hoạch chi tiết xây

dựng tỷ lệ 1/2000 gửi cho Sở Quy hoạch - Kiến trúc thẩm định và trình Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt theo quy định.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Giám đốc Sở Quy hoạch - Kiến trúc, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Xây dựng, Giám đốc Sở Giao thông vận tải, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi và các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC**

Nguyễn Thành Tài

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH TÂN**ỦY BAN NHÂN DÂN
QUẬN BÌNH TÂN****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 10/2009/QĐ-UBND

*Bình Tân, ngày 06 tháng 7 năm 2009***QUYẾT ĐỊNH****Về ban hành Quy chế đào tạo, bồi dưỡng
cán bộ, công chức, viên chức của quận và 10 phường****ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH TÂN**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Quyết định số 161/2003/QĐ-TTg ngày 04 tháng 8 năm 2003 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức;

Xét đề nghị của Trưởng Phòng Nội vụ quận Bình Tân tại Tờ trình số 344/TTr-NV ngày 01 tháng 7 năm 2009,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức của quận và 10 phường.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 07 ngày, kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân quận, Trưởng Phòng Nội vụ, Thủ trưởng các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể thuộc quận và Chủ tịch Ủy ban nhân dân 10 phường chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH****Huỳnh Văn Chính**

ỦY BAN NHÂN DÂN
QUẬN BÌNH TÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY CHẾ

Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức và viên chức của quận và 10 phường

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 10/2009/QĐ-UBND
ngày 06 tháng 7 năm 2009 của Ủy ban nhân dân quận Bình Tân)*

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Quy chế này quy định về đào tạo, bồi dưỡng cho các đối tượng sau (gọi chung là cán bộ, công chức, viên chức):

1. Cán bộ, công chức, viên chức đang làm việc trong các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể thuộc quận.
2. Cán bộ, công chức đang làm việc tại Ủy ban nhân dân 10 phường.

Điều 2. Mục tiêu đào tạo, bồi dưỡng là trang bị kiến thức về lý luận chính trị, quản lý nhà nước, chuyên môn nghiệp vụ, ngoại ngữ, tin học và các kiến thức bổ trợ khác, nhằm xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức đáp ứng được yêu cầu và nâng cao hiệu lực, hiệu quả của bộ máy nhà nước.

Điều 3. Việc đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức phải căn cứ vào tiêu chuẩn từng chức vụ, tiêu chuẩn nghiệp vụ của từng ngạch, chức danh cán bộ, công chức, viên chức; căn cứ vào quy hoạch, kế hoạch xây dựng phát triển đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức của cơ quan, đơn vị và nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng của cán bộ, công chức, viên chức, phục vụ cho việc thực hiện nhiệm vụ, công vụ được giao.

Chương II

NỘI DUNG, HÌNH THỨC ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG

Điều 4. Nội dung đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức gồm:

1. Lý luận chính trị.
2. Kiến thức pháp luật, kiến thức và kỹ năng quản lý nhà nước.
3. Kiến thức, kỹ năng chuyên môn nghiệp vụ.
4. Kiến thức tin học, ngoại ngữ và các kiến thức bổ trợ khác.

Điều 5. Chương trình, giáo trình, tài liệu sử dụng trong đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức gồm:

1. Loại chương trình, giáo trình đào tạo, bồi dưỡng kiến thức theo tiêu chuẩn ngạch, chức danh cán bộ, công chức;
2. Các chương trình, tài liệu bồi dưỡng nâng cao, cập nhật kiến thức:
 - a) Chương trình, tài liệu bổ sung kiến thức theo tiêu chuẩn ngạch, chức danh cán bộ, công chức;
 - b) Chương trình, tài liệu bồi dưỡng, cập nhật kiến thức về chuyên môn, nghiệp vụ;
 - c) Chương trình, tài liệu đào tạo, bồi dưỡng và tạo nguồn cán bộ lãnh đạo và quản lý;
 - d) Chương trình, tài liệu bồi dưỡng thi nâng ngạch, chuyển ngạch; chương trình tài liệu dành cho công chức dự bị.
3. Các chương trình, giáo trình đào tạo, bồi dưỡng kiến thức tin học, ngoại ngữ, và kiến thức bổ trợ khác theo tiêu chuẩn ngạch.

Điều 6. Các hình thức đào tạo, bồi dưỡng

1. Đào tạo, bồi dưỡng để thi tuyển cán bộ, công chức, viên chức nhà nước nhằm bổ sung nguồn nhân lực thường xuyên cho các cơ quan nhà nước, đảm bảo yêu cầu của từng ngạch công chức, chức danh cán bộ quản lý.
2. Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức nhà nước để bổ nhiệm vào các chức vụ lãnh đạo, quản lý hay ngạch công chức cao hơn.
3. Đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ, năng lực về chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ quản lý và các kiến thức bổ trợ khác như ngoại ngữ, tin học... để đáp ứng yêu cầu phát triển liên tục của nhiệm vụ.
4. Các loại hình đào tạo, bồi dưỡng trên được tổ chức thực hiện dưới nhiều hình thức khác nhau: tập trung, bán tập trung, vừa học, vừa làm, đào tạo từ xa...

Chương III

TRÁCH NHIỆM, QUYỀN LỢI CỦA CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC TRONG LĨNH VỰC ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG

Điều 7. Trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức

1. Cán bộ, công chức, viên chức phải thường xuyên học tập nâng cao trình độ lý luận; kiến thức, kỹ năng hoạt động chuyên môn nghiệp vụ và các kiến thức bổ trợ khác theo quy định.

2. Cán bộ, công chức, viên chức đang giữ chức vụ thuộc ngạch, chức danh nào phải đào tạo, bồi dưỡng đáp ứng các tiêu chuẩn trình độ kiến thức quy định cho chức vụ và ngạch, chức danh đó.

3. Cán bộ, công chức, viên chức sau khi đã được đào tạo, bồi dưỡng mà tự ý bỏ việc hoặc chuyển công tác khỏi khu vực nhà nước vì lý do cá nhân thì phải bồi thường cho cơ quan, tổ chức sử dụng cán bộ, công chức các chi phí đào tạo, bồi dưỡng theo quy định của Nhà nước.

Điều 8. Quyền lợi của cán bộ, công chức, viên chức

1. Cán bộ, công chức, viên chức được cử đi đào tạo, bồi dưỡng được cơ quan bố trí thời gian và kinh phí theo chế độ quy định.

2. Trường hợp cán bộ, công chức, viên chức theo nguyện vọng cá nhân mà được cơ quan có thẩm quyền cử đi đào tạo, bồi dưỡng thì được cơ quan hỗ trợ về thời gian và kinh phí tùy theo khả năng và điều kiện cho phép.

3. Trong thời gian được cử đi dự các khóa đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức được hưởng nguyên lương và các chế độ khác theo quy định.

Chương IV

TỔ CHỨC ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG

Điều 9. Kinh phí đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức được sử dụng từ ngân sách nhà nước cấp; đóng góp của cơ quan cử cán bộ, công chức đi học; đóng góp của cá nhân cử đi học.

Việc quản lý, sử dụng kinh phí đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức thực hiện theo các quy định tài chính hiện hành.

Điều 10. Ủy ban nhân dân quận tổ chức xét duyệt đề cử cán bộ, công chức,

viên chức đi đào tạo, bồi dưỡng theo yêu cầu của quận (kể cả những trường hợp cán bộ, công chức, viên chức chỉ xin hỗ trợ thời gian đi học, kinh phí tự túc).

Điều 11. Phòng Nội vụ là đầu mối phối hợp với Phòng Tài chính - Kế hoạch và các cơ quan có liên quan tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân quận quản lý và thực hiện hoạt động quản lý nhà nước về công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức của quận có trách nhiệm:

- Rà soát, nắm lại trình độ, nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức của quận để xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức hàng năm.

- Tổ chức hướng dẫn việc thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, theo dõi, tổng hợp kết quả đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức của quận.

- Dự trù kinh phí đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức hàng năm để trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận phê duyệt.

Điều 12. Thủ trưởng các cơ quan, ban ngành, đoàn thể thuộc quận, Chủ tịch Ủy ban nhân dân 10 phường có trách nhiệm xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức của đơn vị; thực hiện chế độ báo cáo kết quả hoạt động đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức hàng năm về Phòng Nội vụ để theo dõi, tổng hợp và xây dựng kế hoạch đào tạo trình Ủy ban nhân dân quận./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Huỳnh Văn Chính

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH

ỦY BAN NHÂN DÂN
QUẬN TÂN BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 07/2009/QĐ-UBND

Tân Bình, ngày 06 tháng 7 năm 2009

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chế về tổ chức và hoạt động
của Phòng Văn hóa và Thông tin quận Tân Bình**

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 14/2008/NĐ-CP ngày 04 tháng 02 năm 2008 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 43/2008/TTLT-BVHTTDL-BNV ngày 06 tháng 6 năm 2008 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và Bộ Nội vụ hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Phòng Văn hóa và Thông tin thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 03/2008/TTLT-BTTTT-BNV ngày 30 tháng 6 năm 2008 của Bộ Thông tin và Truyền Thông và Bộ Nội vụ hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Thông tin và Truyền thông thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Phòng Văn hóa và Thông tin thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện;

Căn cứ Quyết định số 41/2008/QĐ-UBND ngày 20 tháng 5 năm 2008 của Ủy ban nhân dân thành phố về tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân quận - huyện;

Căn cứ Quyết định số 11/2008/QĐ-UBND ngày 16 tháng 6 năm 2008 của Ủy ban nhân dân quận Tân Bình về thành lập Phòng Văn hóa và Thông tin quận Tân Bình;

Căn cứ Quyết định số 40/2009/QĐ-UBND ngày 05 tháng 6 năm 2009 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quy chế (mẫu) về tổ chức và hoạt động của Phòng Văn hóa và Thông tin quận - huyện;

Xét đề nghị của Trưởng Phòng Nội vụ tại Tờ trình số 33/TTr-PNV ngày 02 tháng 7 năm 2009,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế về tổ chức và hoạt động của Phòng Văn hóa và Thông tin quận Tân Bình.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 07 ngày, kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân quận, Trưởng Phòng Nội vụ, Trưởng Phòng Văn hóa và Thông tin, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Thái Thị Dư

ỦY BAN NHÂN DÂN
QUẬN TÂN BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY CHẾ

Tổ chức và hoạt động của Phòng Văn hóa và Thông tin quận Tân Bình

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 07/2009/QĐ-UBND
ngày 06 tháng 7 năm 2009 của Ủy ban nhân dân quận Tân Bình)*

Chương I **VỊ TRÍ VÀ CHỨC NĂNG**

Điều 1. Vị trí và chức năng

1. Vị trí:

Phòng Văn hóa và Thông tin là cơ quan chuyên môn trực thuộc Ủy ban nhân dân quận Tân Bình.

Phòng Văn hóa và Thông tin có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng; chịu sự chỉ đạo và quản lý về tổ chức, biên chế và công tác của Ủy ban nhân dân quận; đồng thời chịu sự chỉ đạo và hướng dẫn, kiểm tra, thanh tra về chuyên môn, nghiệp vụ theo ngành của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Thông tin và Truyền thông.

2. Chức năng:

Phòng Văn hóa và Thông tin có chức năng tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân quận quản lý nhà nước về: văn hóa; gia đình; thể dục, thể thao; du lịch; báo chí; xuất bản; bưu chính và chuyển phát; viễn thông và Internet; công nghệ thông tin; hạ tầng thông tin; phát thanh trên địa bàn và các dịch vụ công thuộc chức năng, nhiệm vụ được giao trên địa bàn quận; thực hiện một số nhiệm vụ, quyền hạn theo sự ủy quyền của Ủy ban nhân dân quận và theo quy định của pháp luật.

Chương II **NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN**

Điều 2. Nhiệm vụ và quyền hạn

Phòng Văn hóa và Thông tin quận có nhiệm vụ và quyền hạn sau:

1. Nhiệm vụ và quyền hạn chung thuộc các lĩnh vực quản lý nhà nước:

1.1. Trình Ủy ban nhân dân quận ban hành quyết định, chỉ thị; kế hoạch dài hạn, năm năm và hàng năm; đề án, chương trình phát triển ngành theo chức năng, nhiệm vụ của Phòng trên địa bàn; chương trình, biện pháp cải cách thủ tục hành chính, xã hội hóa trong lĩnh vực quản lý nhà nước được giao.

1.2. Trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận dự thảo các văn bản về lĩnh vực quản lý nhà nước được giao thuộc thẩm quyền ban hành của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận.

1.3. Tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, quy hoạch, kế hoạch, đề án, chương trình đã được phê duyệt; hướng dẫn, thông tin tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về quản lý, hoạt động phát triển sự nghiệp, phát triển ngành, lĩnh vực: văn hóa, thể dục, thể thao, du lịch, gia đình, thông tin và truyền thông; chủ trương xã hội hóa các hoạt động văn hóa, thể dục thể thao; chống bạo lực gia đình.

1.4. Giúp Ủy ban nhân dân quận thẩm định, đăng ký, cấp các loại giấy phép thuộc các lĩnh vực được giao theo quy định của pháp luật và theo sự phân công, phân cấp của Ủy ban nhân dân quận.

1.5. Giúp Ủy ban nhân dân quận quản lý nhà nước đối với tổ chức kinh tế tập thể, kinh tế tư nhân; hướng dẫn và kiểm tra hoạt động các hội và tổ chức phi Chính phủ hoạt động trên địa bàn thuộc các lĩnh vực văn hóa, gia đình, thể dục, thể thao, du lịch, thông tin và truyền thông theo quy định của pháp luật.

1.6. Hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ về lĩnh vực văn hóa, gia đình, thể dục, thể thao, du lịch, thông tin và truyền thông đối với Ủy ban nhân dân 15 phường.

1.7. Tổ chức ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ; xây dựng hệ thống thông tin, lưu trữ phục vụ công tác quản lý nhà nước và chuyên môn, nghiệp vụ của Phòng.

1.8. Thực hiện công tác tổng hợp, thống kê, thông tin, báo cáo định kỳ và đột xuất về tình hình thực hiện nhiệm vụ được giao với Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch và Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông.

1.9. Quản lý tổ chức, biên chế, thực hiện chế độ chính sách, chế độ đãi ngộ, khen thưởng, kỷ luật, đào tạo và bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động thuộc phạm vi quản lý của Phòng về lĩnh vực được giao theo quy định của pháp luật và phân công của Ủy ban nhân dân quận.

1.10. Quản lý tài chính, tài sản được giao theo quy định của pháp luật và ủy quyền, phân cấp của Chủ tịch, của Ủy ban nhân dân quận.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn cụ thể về lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch:

2.1. Hướng dẫn các tổ chức, đơn vị và nhân dân trên địa bàn quận thực hiện phong trào văn hóa, văn nghệ; phong trào luyện tập thể dục, thể thao; xây dựng nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang, lễ hội; xây dựng phong trào: “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”, xây dựng gia đình văn hóa, khu phố văn hóa, phường văn hóa, đơn vị văn hóa; công sở văn minh sạch đẹp; bảo vệ các di tích lịch sử, văn hóa và danh lam thắng cảnh; bảo vệ, tôn tạo, khai thác, sử dụng hợp lý tài nguyên du lịch, môi trường du lịch, khu du lịch, điểm du lịch trên địa bàn quận.

2.2. Hướng dẫn, kiểm tra hoạt động của các trung tâm văn hóa, thể thao; các thiết chế văn hóa, thông tin cơ sở; các cơ sở, doanh nghiệp hoạt động dịch vụ văn hóa, thể dục, thể thao, du lịch, điểm vui chơi công cộng thuộc phạm vi quản lý của Phòng trên địa bàn quận.

2.3. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan kiểm tra, thanh tra việc chấp hành pháp luật về hoạt động văn hóa, gia đình, thể dục, thể thao và du lịch trên địa bàn quận; giải quyết đơn, thư khiếu nại, tố cáo của công dân về lĩnh vực văn hóa, gia đình, thể dục, thể thao và du lịch theo quy định của pháp luật.

3. Nhiệm vụ và quyền hạn cụ thể về lĩnh vực thông tin và truyền thông:

3.1. Giúp Ủy ban nhân dân quận trong việc tổ chức công tác bảo vệ an toàn, an ninh thông tin trong các hoạt động bưu chính, chuyển phát, viễn thông, công nghệ thông tin, Internet, phát thanh.

3.2. Chịu trách nhiệm theo dõi và tổ chức thực hiện các chương trình, dự án về ứng dụng công nghệ thông tin trên địa bàn quận theo sự phân công của Ủy ban nhân dân quận. Thực hiện theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân quận và hướng dẫn của Sở Thông tin và Truyền thông trong việc quản lý hạ tầng thông tin: mạng cáp thông tin, viễn thông và các trạm thu phát sóng điện thoại di động (BTS) trên địa bàn.

3.3. Tổ chức thực hiện quản lý, kiểm tra và hướng dẫn Ủy ban nhân dân 15 phường quản lý các đại lý bưu chính, viễn thông, Internet trên địa bàn theo quy định của pháp luật; phát hiện các hành vi vi phạm của các đơn vị hoạt động trong lĩnh vực công nghiệp công nghệ thông tin và điện tử; về bưu chính, viễn thông và Internet; dịch vụ photocopy và in ấn; về kinh doanh sách báo, phát hành sách báo, cơ sở kinh doanh xuất bản phẩm; về đưa tin, phát thanh và truyền thanh trên địa bàn, kịp thời báo cáo Sở Thông tin và Truyền thông, Ủy ban nhân dân quận xử lý.

3.4. Tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn các tổ chức, đơn vị và cá nhân trên địa bàn quận thực hiện pháp luật về các lĩnh vực bưu chính, viễn thông và Internet; công nghệ thông tin; hạ tầng thông tin; phát thanh; quảng cáo; báo chí; in ấn, phát hành; xuất bản.

3.5. Giúp Ủy ban nhân dân quận quản lý nhà nước đối với mạng lưới phát thanh, truyền thanh cơ sở (nếu có).

4. Thực hiện các nhiệm vụ khác do Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận giao hoặc theo quy định của pháp luật.

Chương III **CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ BỘ MÁY**

Điều 3. Cơ cấu tổ chức

1. Phòng Văn hóa và Thông tin có Trưởng phòng và không quá 03 Phó Trưởng phòng.

- Trưởng phòng là người chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận và trước pháp luật về toàn bộ hoạt động của Phòng.

- Phó Trưởng phòng là người giúp Trưởng phòng, chịu trách nhiệm trước Trưởng phòng và trước pháp luật về các nhiệm vụ được phân công. Khi Trưởng phòng vắng mặt, 01 Phó Trưởng phòng được Trưởng phòng ủy quyền điều hành các hoạt động của Phòng.

- Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng do Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận quyết định theo quy định của pháp luật.

2. Cán bộ, công chức chuyên môn, nghiệp vụ làm công tác văn hóa và thông tin trên địa bàn quận được bố trí tương xứng với nhiệm vụ được giao.

3. Cơ cấu tổ chức của Phòng Văn hóa và Thông tin gồm một số cán bộ được phân công theo dõi, thực hiện các công việc sau:

- Bộ phận nghiệp vụ văn phòng.
- Bộ phận thẩm định, xử lý vi phạm hành chính.
- Bộ phận kiểm tra liên ngành văn hóa - xã hội, dịch vụ văn hóa, thể thao, du lịch, thông tin và truyền thông.
- Bộ phận xây dựng đời sống văn hóa, gia đình và di tích.

- Bộ phận thể thao.

Điều 4. Biên chế

Biên chế của Phòng Văn hóa và Thông tin do Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận quyết định trong tổng biên chế hành chính của quận trên cơ sở chỉ tiêu biên chế hành chính được Ủy ban nhân dân thành phố giao quận hàng năm.

Chương IV

CHẾ ĐỘ LÀM VIỆC VÀ QUAN HỆ CÔNG TÁC

Điều 5. Chế độ làm việc

1. Trưởng phòng chịu trách nhiệm điều hành tất cả các hoạt động của Phòng và phụ trách những công tác trọng tâm. Các Phó Trưởng phòng phụ trách những lĩnh vực công tác được Trưởng phòng phân công, trực tiếp giải quyết các công việc phát sinh.

2. Các Phó Trưởng phòng khi giải quyết công việc thuộc lĩnh vực mình phụ trách có liên quan đến nội dung chuyên môn của Phó Trưởng phòng khác, chủ động bàn bạc thống nhất hướng giải quyết, chỉ trình Trưởng phòng quyết định các vấn đề chưa nhất trí với các Phó Trưởng phòng khác hoặc những vấn đề mới phát sinh mà chưa có chủ trương, kế hoạch và biện pháp giải quyết.

3. Trong trường hợp Trưởng phòng trực tiếp yêu cầu các chuyên viên giải quyết công việc thuộc phạm vi thẩm quyền của Phó Trưởng phòng, yêu cầu đó được thực hiện nhưng chuyên viên đó phải báo cáo cho Phó Trưởng phòng trực tiếp phụ trách biết.

4. Mỗi cán bộ, công chức của Phòng đều có chức danh và nhiệm vụ cụ thể; phải có thái độ, phong cách làm việc lịch sự, tận tụy, khiêm tốn, tôn trọng và lắng nghe ý kiến của lãnh đạo, đồng nghiệp và người đến liên hệ công tác.

5. Cán bộ, công chức phải chấp hành đúng nội quy, giờ làm việc của cơ quan, thực hiện tốt quy chế dân chủ, Luật Cán bộ, công chức, thực hiện nếp sống văn minh công sở.

Điều 6. Chế độ sinh hoạt hội họp

1. Hàng tuần họp giao ban cơ quan 1 lần để đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ, phổ biến công tác tuần kế tiếp, triển khai lịch công tác theo lịch của Ủy ban nhân dân quận và của đơn vị.

2. Một tháng họp giao ban với công chức chuyên trách văn hóa - xã hội Ủy ban nhân dân 15 phường một lần; có thể tổ chức họp bất thường để triển khai công việc cần thiết và cấp bách của Ủy ban nhân dân quận hoặc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Thông tin và Truyền thông.

3. Mỗi cán bộ, công chức khi thực hiện công tác bên ngoài phải báo cáo lãnh đạo đơn vị về nhiệm vụ của mình.

Điều 7. Quan hệ công tác

1. Đối với Ủy ban nhân dân quận:

1.1. Phòng Văn hóa và Thông tin chịu sự chỉ đạo trực tiếp và toàn diện của Ủy ban nhân dân quận về toàn bộ công tác theo chức năng, nhiệm vụ của Phòng. Trưởng phòng trực tiếp nhận chỉ đạo và nội dung công tác từ Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận phụ trách khối và phải thường xuyên báo cáo với Ủy ban nhân dân quận về những mặt công tác đã được phân công.

1.2. Định kỳ báo cáo tháng, quý, 6 tháng, năm và báo cáo đột xuất cho Ủy ban nhân dân quận và đề xuất các biện pháp giải quyết công tác chuyên môn trong quản lý nhà nước thuộc lĩnh vực liên quan.

2. Đối với Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Thông tin và Truyền thông:

Phòng Văn hóa và Thông tin chịu sự hướng dẫn, kiểm tra về chuyên môn, nghiệp vụ và báo cáo công tác chuyên môn theo định kỳ và đột xuất theo yêu cầu của Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Sở Thông tin và Truyền thông.

3. Đối với cơ quan chuyên môn khác thuộc Ủy ban nhân dân quận:

3.1. Thực hiện tốt mối quan hệ hợp tác và phối hợp trên cơ sở bình đẳng theo chức năng, nhiệm vụ được quy định dưới sự điều hành chung của Ủy ban nhân dân quận nhằm bảo đảm hoàn thành kế hoạch, nhiệm vụ chính trị của quận.

3.2. Trong trường hợp chủ trì phối hợp giải quyết công việc, nếu chưa nhất trí với ý kiến của Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn khác, Trưởng Phòng Văn hóa và Thông tin tập hợp các ý kiến và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận xem xét, quyết định.

4. Đối với Ủy ban nhân dân phường:

4.1. Phòng Văn hóa và Thông tin chịu trách nhiệm hướng dẫn và kiểm tra về nghiệp vụ quản lý ngành để Ủy ban nhân dân phường thực hiện tốt nhiệm vụ được giao.

4.2. Phòng Văn hóa và Thông tin có trách nhiệm cùng với Ủy ban nhân dân phường kiện toàn, củng cố bộ phận công tác về văn hóa và thông tin tại địa phương. Phối hợp với các tổ chức, chính quyền, đoàn thể, nhân dân xây dựng phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”, xây dựng gia đình văn hóa, khu phố văn hóa, phường văn hóa, công sở văn minh - sạch đẹp.

5. Đối với Trung tâm Văn hóa - Thể thao quận và các tổ chức hoạt động về lĩnh vực văn hóa, thể thao, du lịch, thông tin và truyền thông ngoài công lập trong phạm vi quản lý:

5.1. Phòng Văn hóa và Thông tin tạo điều kiện cho Trung tâm Văn hóa - Thể thao và các tổ chức hoạt động về các lĩnh vực có liên quan thực hiện tốt nhiệm vụ của mình, đồng thời giúp Ủy ban nhân dân quận thực hiện quản lý nhà nước trên lĩnh vực văn hóa, thể dục, thể thao, du lịch, gia đình, thông tin và truyền thông; kiểm tra, kịp thời phát hiện và đề xuất xử lý những vi phạm pháp luật trên lĩnh vực được giao.

5.2. Trung tâm Văn hóa - Thể thao và các tổ chức hoạt động về các lĩnh vực có liên quan có trách nhiệm phối hợp với Phòng Văn hóa và Thông tin trong việc giúp Ủy ban nhân dân quận xây dựng kế hoạch, báo cáo kết quả hoạt động trên lĩnh vực văn hóa và Thông tin.

6. Đối với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc quận, các đơn vị sự nghiệp, các ban, ngành, đoàn thể, các tổ chức xã hội quận:

6.2. Phòng Văn hóa và Thông tin phối hợp và hỗ trợ Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể quần chúng thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ được giao.

6.3. Khi Ủy ban Mặt trận Tổ quốc quận, phường, các đơn vị sự nghiệp, các ban, ngành, đoàn thể, các tổ chức xã hội quận có yêu cầu, kiến nghị các vấn đề thuộc chức năng của Phòng, Trưởng phòng có trách nhiệm trình bày, giải quyết hoặc trình Ủy ban nhân dân quận giải quyết các yêu cầu đó theo thẩm quyền.

Chương V

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 8.

Căn cứ Quy chế này Trưởng Phòng Văn hóa và Thông tin có trách nhiệm cụ thể hóa chức năng, nhiệm vụ của Phòng để xây dựng quy chế làm việc, phân công nhiệm vụ cho từng cán bộ, công chức đơn vị cho phù hợp.

Điều 9.

Trưởng Phòng Văn hóa và Thông tin, Thủ trưởng các đơn vị liên quan có trách nhiệm thực hiện Quy chế này.

Trong suốt quá trình thực hiện nếu có vấn đề phát sinh vượt quá thẩm quyền, Trưởng phòng đề xuất với Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận xem xét, giải quyết hoặc bổ sung, sửa đổi Quy chế cho phù hợp sau khi có sự trao đổi, thống nhất với Trưởng Phòng Nội vụ quận./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Thái Thị Dư

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN TÂN PHÚ

**ỦY BAN NHÂN DÂN
QUẬN TÂN PHÚ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 02/2009/QĐ-UBND

Tân Phú, ngày 07 tháng 7 năm 2009

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động
của Phòng Nội vụ quận Tân Phú**

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN TÂN PHÚ

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 14/2008/NĐ-CP ngày 04 tháng 02 năm 2008 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh;

Căn cứ Thông tư số 04/2008/TT-BNV ngày 04 tháng 6 năm 2008 của Bộ Nội vụ hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Nội vụ, Phòng Nội vụ thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện và Thông tư số 06/2008/TT-BNV ngày 21 tháng 8 năm 2008 hướng dẫn sửa đổi, bổ sung khoản 2 Mục III Phần I Thông tư số 04/2008/TT-BNV ngày 04 tháng 6 năm 2008 của Bộ Nội vụ;

Căn cứ Quyết định số 41/2008/QĐ-UBND ngày 20 tháng 5 năm 2008 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân quận - huyện;

Căn cứ Quyết định số 03/2009/QĐ-UBND ngày 19 tháng 01 năm 2009 của Ủy ban nhân dân thành phố về ban hành Quy chế (mẫu) về tổ chức và hoạt động của Phòng Nội vụ quận - huyện;

Căn cứ Quyết định số 1273/QĐ-UBND ngày 02 tháng 6 năm 2008 của Ủy ban nhân dân quận Tân Phú về việc thành lập Phòng Nội vụ thuộc Ủy ban nhân dân quận Tân Phú;

Theo đề nghị của Trưởng Phòng Nội vụ quận tại Tờ trình số 595/TTr-NV ngày 03 tháng 7 năm 2009,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế về tổ chức và hoạt động của Phòng Nội vụ quận Tân Phú.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 07 ngày, kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 04/QĐ-UB ngày 18 tháng 02 năm 2004 của Ủy ban nhân dân quận Tân Phú về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Phòng Tổ chức chính quyền quận Tân Phú (nay là Phòng Nội vụ).

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân quận, Trưởng Phòng Nội vụ, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan thuộc quận chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Huỳnh Văn Hạnh

ỦY BAN NHÂN DÂN
QUẬN TÂN PHÚ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY CHẾ

Tổ chức và hoạt động của Phòng Nội vụ quận Tân Phú

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 02/2009/QĐ-UBND
ngày 07 tháng 7 năm 2009 của Ủy ban nhân dân quận Tân Phú)*

Chương I

VỊ TRÍ VÀ CHỨC NĂNG

Điều 1. Vị trí và chức năng

1. Vị trí:

Phòng Nội vụ quận Tân Phú là cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân quận Tân Phú.

Phòng Nội vụ quận Tân Phú có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng; chịu sự chỉ đạo, quản lý trực tiếp, toàn diện về tổ chức, biên chế và công tác của Ủy ban nhân dân quận Tân Phú; đồng thời chịu sự hướng dẫn, kiểm tra, thanh tra về chuyên môn, nghiệp vụ của Sở Nội vụ.

2. Chức năng:

Phòng Nội vụ quận Tân Phú có chức năng tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân quận Tân Phú thực hiện chức năng quản lý nhà nước về các lĩnh vực: tổ chức, biên chế các cơ quan hành chính, sự nghiệp nhà nước; cải cách hành chính; chính quyền địa phương; địa giới hành chính; cán bộ, công chức, viên chức nhà nước; cán bộ, công chức phường; hội, tổ chức phi chính phủ; văn thư, lưu trữ nhà nước; tôn giáo; thi đua khen thưởng.

Chương II

NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN

Điều 2. Nhiệm vụ và quyền hạn

Phòng Nội vụ quận Tân Phú có nhiệm vụ và quyền hạn sau đây:

1. Trình Ủy ban nhân dân quận các văn bản hướng dẫn về công tác nội vụ trên địa bàn và tổ chức triển khai thực hiện theo quy định.

2. Trình Ủy ban nhân dân quận ban hành quyết định, chỉ thị; quy hoạch, kế hoạch dài hạn, năm năm và hàng năm; chương trình, biện pháp tổ chức thực hiện các nhiệm vụ thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước được giao.

3. Tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, quy hoạch, kế hoạch sau khi được phê duyệt; thông tin, tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý được giao.

4. Về tổ chức bộ máy:

a) Tham mưu giúp Ủy ban nhân dân quận quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân quận theo quy định của Ủy ban nhân dân thành phố;

b) Trình Ủy ban nhân dân quận quyết định hoặc tham mưu Ủy ban nhân dân quận trình cấp có thẩm quyền quyết định thành lập, sáp nhập, giải thể các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân quận;

c) Xây dựng đề án thành lập, sáp nhập, giải thể các tổ chức sự nghiệp trình cấp có thẩm quyền quyết định;

d) Tham mưu giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận quyết định thành lập, sáp nhập, giải thể các tổ chức phối hợp liên ngành quận theo quy định của pháp luật.

5. Về quản lý và sử dụng biên chế hành chính, sự nghiệp:

a) Tham mưu giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận phân bổ chỉ tiêu biên chế hành chính, sự nghiệp hàng năm;

b) Giúp Ủy ban nhân dân quận hướng dẫn, kiểm tra việc quản lý, sử dụng biên chế hành chính, sự nghiệp;

c) Giúp Ủy ban nhân dân quận tổng hợp chung việc thực hiện các quy định về chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm đối với các cơ quan chuyên môn, tổ chức sự nghiệp thuộc quận và Ủy ban nhân dân phường.

6. Về công tác xây dựng chính quyền:

a) Giúp Ủy ban nhân dân quận và các cơ quan có thẩm quyền tổ chức thực hiện việc bầu cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân theo phân công của Ủy ban nhân dân quận và hướng dẫn của Ủy ban nhân dân thành phố;

b) Thực hiện các thủ tục để Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận bổ nhiệm các chức danh lãnh đạo của Ủy ban nhân dân phường; giúp Ủy ban nhân dân quận trình Ủy ban nhân dân thành phố bổ nhiệm các chức danh lãnh đạo của Ủy ban nhân dân quận theo quy định của pháp luật;

c) Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân quận xây dựng đề án thành lập mới, nhập, chia, điều chỉnh địa giới hành chính trên địa bàn để Ủy ban nhân dân quận trình các cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định. Chịu trách nhiệm quản lý hồ sơ, mốc, chỉ giới, bản đồ địa giới hành chính của quận;

d) Giúp Ủy ban nhân dân quận trong việc hướng dẫn thành lập, giải thể, sáp nhập và kiểm tra, tổng hợp báo cáo về hoạt động của khu phố, tổ dân phố trên địa bàn quận theo quy định; bồi dưỡng công tác cho các chức danh ở khu phố, tổ dân phố.

7. Giúp Ủy ban nhân dân quận trong việc hướng dẫn, kiểm tra, tổng hợp báo cáo việc thực hiện pháp luật về dân chủ cơ sở đối với các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp, phường trên địa bàn quận.

8. Về cán bộ, công chức, viên chức:

a) Tham mưu giúp Ủy ban nhân dân quận trong việc tuyển dụng, sử dụng, điều động, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, đánh giá; thực hiện chính sách, đào tạo, bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ và kiến thức quản lý đối với cán bộ, công chức, viên chức;

b) Thực hiện việc tuyển dụng, quản lý công chức phường và thực hiện chính sách đối với cán bộ, công chức và cán bộ không chuyên trách phường theo phân cấp.

9. Về cải cách hành chính:

a) Giúp Ủy ban nhân dân quận triển khai, đôn đốc, kiểm tra các cơ quan chuyên môn cùng cấp và Ủy ban nhân dân phường thực hiện công tác cải cách hành chính ở địa phương;

b) Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân quận về chủ trương, biện pháp đẩy mạnh cải cách hành chính trên địa bàn;

c) Tổng hợp công tác cải cách hành chính ở địa phương báo cáo Ủy ban nhân dân quận và thành phố.

10. Giúp Ủy ban nhân dân quận thực hiện quản lý nhà nước về tổ chức và hoạt động của hội và tổ chức phi Chính phủ trên địa bàn.

11. Về công tác văn thư, lưu trữ:

a) Hướng dẫn, kiểm tra các cơ quan, đơn vị trên địa bàn quận chấp hành chế độ, quy định của pháp luật về công tác văn thư, lưu trữ;

b) Hướng dẫn, kiểm tra chuyên môn, nghiệp vụ về thu thập, bảo vệ, bảo quản và tổ chức sử dụng tài liệu lưu trữ đối với các cơ quan, đơn vị trên địa bàn quận và lưu trữ quận.

12. Về công tác tôn giáo:

a) Giúp Ủy ban nhân dân quận chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra và tổ chức thực hiện các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về tôn giáo và công tác tôn giáo trên địa bàn;

b) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan chuyên môn cùng cấp để thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về tôn giáo trên địa bàn theo phân cấp của Ủy ban nhân dân thành phố và theo quy định của pháp luật.

13. Về công tác thi đua, khen thưởng:

a) Tham mưu, đề xuất với Ủy ban nhân dân quận tổ chức các phong trào thi đua và triển khai thực hiện chính sách khen thưởng của Đảng và Nhà nước trên địa bàn quận; làm nhiệm vụ thường trực của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng quận;

b) Hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện kế hoạch, nội dung thi đua, khen thưởng trên địa bàn quận; xây dựng, quản lý và sử dụng Quỹ thi đua, khen thưởng theo quy định của pháp luật.

14. Thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý các vi phạm về công tác nội vụ theo thẩm quyền.

15. Thực hiện công tác thống kê, thông tin, báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận và Giám đốc Sở Nội vụ về tình hình, kết quả triển khai công tác nội vụ trên địa bàn.

16. Tổ chức triển khai, ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ; xây dựng hệ thống thông tin, lưu trữ phục vụ công tác quản lý nhà nước về công tác nội vụ trên địa bàn.

17. Quản lý tổ chức, biên chế, thực hiện chế độ, chính sách, chế độ đãi ngộ, khen thưởng, kỷ luật, đào tạo và bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ đối với cán bộ, công chức, viên chức thuộc phạm vi quản lý của Phòng Nội vụ theo quy định của pháp luật và theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân quận.

18. Quản lý tài chính, tài sản của Phòng Nội vụ theo quy định của pháp luật và theo phân cấp của Ủy ban nhân dân quận.

19. Giúp Ủy ban nhân dân quận quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân phường về công tác nội vụ và các lĩnh vực công tác khác được giao trên cơ sở quy định của pháp luật và theo hướng dẫn của Sở Nội vụ.

20. Thực hiện các nhiệm vụ khác theo sự phân công của Ủy ban nhân dân quận.

Chương III

TỔ CHỨC BỘ MÁY VÀ BIÊN CHẾ

Điều 3. Tổ chức bộ máy

1. Phòng Nội vụ quận Tân Phú có Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng (không quá 03 người) và cán bộ, công chức.

a) Trưởng Phòng Nội vụ chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, đồng thời chịu trách nhiệm trước Giám đốc Sở Nội vụ về thực hiện các mặt công tác chuyên môn và trước pháp luật về việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao và toàn bộ hoạt động của Phòng.

b) Phó Trưởng phòng giúp Trưởng phòng phụ trách và theo dõi một số mặt công tác; chịu trách nhiệm trước Trưởng phòng và trước pháp luật về nhiệm vụ được phân công. Khi Trưởng phòng vắng mặt, một Phó Trưởng phòng được Trưởng phòng ủy nhiệm điều hành các hoạt động của Phòng.

c) Việc bổ nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, miễn nhiệm, từ chức, thực hiện chế độ, chính sách đối với Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng do Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận quyết định theo quy định của pháp luật.

2. Cán bộ, công chức chuyên môn, nghiệp vụ làm công tác quản lý nhà nước về nội vụ trên địa bàn quận được bố trí tương xứng với nhiệm vụ được giao.

3. Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ nêu trên, đặc điểm tình hình cụ thể đơn vị, trình độ, năng lực cán bộ, Phòng Nội vụ quận tổ chức thành các bộ phận gồm những công chức được phân công đảm nhận các chức danh công việc trên các mặt công tác của Phòng.

Điều 4. Biên chế

Căn cứ vào khối lượng công việc và tình hình cán bộ cụ thể để xác định từng chức danh và tiêu chuẩn nghiệp vụ công chức để phân bổ biên chế cho phù hợp, đảm bảo thực hiện và hoàn thành nhiệm vụ được giao.

Số lượng biên chế cụ thể của Phòng Nội vụ do Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận quyết định trên cơ sở chỉ tiêu biên chế hành chính được Ủy ban nhân dân thành phố giao cho quận hàng năm.

Chương IV

CHẾ ĐỘ LÀM VIỆC VÀ QUAN HỆ CÔNG TÁC

Điều 5. Chế độ làm việc

1. Trưởng phòng phụ trách, điều hành các hoạt động của Phòng và phụ trách những công tác trọng tâm. Các Phó Trưởng phòng phụ trách những lĩnh vực công tác được Trưởng phòng phân công, trực tiếp giải quyết các công việc phát sinh.

2. Khi giải quyết công việc thuộc lĩnh vực mình phụ trách có liên quan đến nội dung chuyên môn của Phó Trưởng phòng khác, Phó Trưởng phòng chủ động bàn bạc thống nhất hướng giải quyết, chỉ trình Trưởng phòng quyết định những vấn đề chưa nhất trí với các Phó Trưởng phòng khác hoặc những vấn đề mới phát sinh mà chưa có chủ trương, kế hoạch và biện pháp giải quyết.

3. Trong trường hợp Trưởng phòng trực tiếp yêu cầu các cán bộ, chuyên viên giải quyết công việc thuộc phạm vi thẩm quyền của Phó Trưởng phòng, yêu cầu đó được thực hiện nhưng cán bộ phải báo cáo cho Phó Trưởng phòng trực tiếp phụ trách biết.

Điều 6. Chế độ sinh hoạt hội họp

1. Hàng tuần, lãnh đạo Phòng họp giao ban một lần để đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ và phổ biến kế hoạch công tác cho tuần sau.

2. Sau khi giao ban lãnh đạo Phòng, Phó Trưởng phòng trực tiếp phụ trách họp cán bộ, công chức có liên quan để đánh giá công việc, bàn phương hướng triển khai công tác và thống nhất lịch công tác.

3. Mỗi tháng họp toàn thể cán bộ, công chức một lần.

4. Mỗi thành viên trong từng bộ phận xây dựng lịch công tác hàng tuần và báo cáo lãnh đạo Phòng trực tiếp.

5. Lịch làm việc với các tổ chức và cá nhân có liên quan, thể hiện trong lịch công tác hàng tuần, tháng của đơn vị; nội dung làm việc được Phòng chuẩn bị chu đáo để giải quyết có hiệu quả các yêu cầu phát sinh liên quan đến hoạt động chuyên môn của Phòng.

Điều 7. Mỗi quan hệ công tác

1. Đối với Sở Nội vụ:

Phòng Nội vụ chịu sự hướng dẫn, thanh tra và kiểm tra về chuyên môn, nghiệp vụ của Sở Nội vụ, thực hiện việc báo cáo công tác chuyên môn định kỳ và theo yêu cầu của Giám đốc Sở Nội vụ.

2. Đối với Ủy ban nhân dân quận:

Phòng Nội vụ chịu sự lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp và toàn diện của Ủy ban nhân dân quận về toàn bộ công tác theo chức năng, nhiệm vụ của Phòng, Trưởng phòng trực tiếp nhận chỉ đạo và nội dung công tác từ Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch phụ trách khối và phải thường xuyên báo cáo với Thường trực Ủy ban nhân dân quận về những mặt công tác đã được phân công;

Theo định kỳ phải báo cáo với Thường trực Ủy ban nhân dân quận về nội dung công tác của Phòng và đề xuất các biện pháp giải quyết công tác chuyên môn trong quản lý nhà nước thuộc lĩnh vực liên quan.

3. Đối với Ban Tổ chức Quận ủy:

Phòng Nội vụ phối hợp, bàn bạc với Ban Tổ chức Quận ủy trong việc giải quyết những vấn đề về tổ chức cán bộ thuộc diện Quận ủy quản lý theo yêu cầu của Thường trực Ủy ban nhân dân quận (đề bạt, bổ nhiệm, xây dựng kế hoạch, quy hoạch đào tạo, đào tạo lại cán bộ, công chức, viên chức) đồng thời thường xuyên liên hệ với Ban Tổ chức Quận ủy để nắm được chủ trương của cấp ủy qua từng thời kỳ về công tác tổ chức và cán bộ, qua đó có kế hoạch thực hiện tốt nhiệm vụ.

4. Đối với các cơ quan chuyên môn khác thuộc Ủy ban nhân dân quận:

Thực hiện mối quan hệ hợp tác và phối hợp trên cơ sở bình đẳng, theo chức năng, nhiệm vụ, dưới sự điều hành chung của Ủy ban nhân dân quận, nhằm đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ chính trị, kế hoạch kinh tế - xã hội của quận. Trong trường hợp Phòng Nội vụ chủ trì phối hợp giải quyết công việc, nếu chưa nhất trí với ý kiến của Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn khác, Trưởng Phòng Nội vụ tập hợp các ý kiến và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận xem xét, quyết định.

5. Đối với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đơn vị sự nghiệp, các ban, ngành, đoàn thể, các tổ chức xã hội của quận:

Khi Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam quận và phường, các đơn vị sự nghiệp, các ban, ngành, đoàn thể, các tổ chức xã hội của quận có yêu cầu, kiến nghị các vấn

đề thuộc chức năng của Phòng, Trưởng phòng có trách nhiệm trình bày, giải quyết hoặc trình Ủy ban nhân dân quận giải quyết các yêu cầu đó theo thẩm quyền.

6. Đối với Ủy ban nhân dân các phường:

a) Phối hợp, hỗ trợ và tạo điều kiện để Ủy ban nhân dân phường thực hiện các nội dung quản lý nhà nước liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của Phòng;

b) Hướng dẫn cán bộ phường về chuyên môn, nghiệp vụ của ngành, lĩnh vực công tác do Phòng quản lý.

Chương V

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 8. Căn cứ Quy chế này, Trưởng Phòng Nội vụ quận có trách nhiệm cụ thể hóa chức năng, nhiệm vụ của Phòng, để xây dựng quy chế làm việc của cơ quan, trong đó có phân công nhiệm vụ cho cán bộ, công chức của Phòng cho phù hợp với trình độ, năng lực nhằm hoàn thành có hiệu quả các mặt công tác được giao.

Điều 9. Trưởng Phòng Nội vụ và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan thuộc Ủy ban nhân dân quận có trách nhiệm thực hiện Quy chế tổ chức và hoạt động của Phòng Nội vụ sau khi được Ủy ban nhân dân quận quyết định ban hành. Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh các vấn đề vượt quá thẩm quyền thì nghiên cứu đề xuất, kiến nghị với Ủy ban nhân dân quận xem xét, giải quyết hoặc bổ sung và sửa đổi Quy chế cho phù hợp./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Huỳnh Văn Hạnh

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CỬ CHI

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN CỬ CHI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 11/2009/QĐ-UBND

Củ Chi, ngày 10 tháng 7 năm 2007

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc ban hành Quy chế về mối quan hệ công tác giữa
Ủy ban nhân dân huyện và Ban Thường vụ Liên đoàn Lao động huyện**

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CỬ CHI

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Công đoàn ngày 30 tháng 6 năm 1990;

Căn cứ Chỉ thị số 60/CT ngày 24 tháng 02 năm 1992 của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng (nay là Thủ tướng Chính phủ) về xây dựng quy chế phối hợp giữa Ủy ban nhân dân và Liên đoàn Lao động;

Căn cứ Quyết định số 465/TTg ngày 27 tháng 8 năm 1994 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế về mối quan hệ công tác giữa Chính phủ với Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam;

Xét đề nghị của Phòng Tư pháp huyện tại Văn bản số 155/PTP ngày 24 tháng 6 năm 2009 về việc thẩm định Quyết định ban hành quy chế mối quan hệ công tác giữa UBND huyện và Ban Thường vụ Liên đoàn Lao động huyện;

Sau khi thống nhất với Ban Thường vụ Liên đoàn Lao động huyện và xét đề nghị của Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân huyện,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế về mối quan hệ công tác giữa UBND huyện và Ban Thường vụ Liên đoàn Lao động huyện.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 7 ngày, kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân huyện, Ban Thường vụ Liên đoàn Lao động huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã - thị trấn, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Lê Minh Tấn

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN CỬ CHI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY CHẾ

**Về mối quan hệ công tác giữa Ủy ban nhân dân huyện
và Ban Thường vụ Liên đoàn Lao động huyện Cử Chi**
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 11/2009/QĐ-UBND
ngày 10 tháng 7 năm 2009 của Ủy ban nhân dân huyện)*

Điều 1. Những quy định chung

Quy chế này quy định một số điểm cụ thể về quan hệ phối hợp trong quá trình thực hiện chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Ủy ban nhân dân huyện có liên quan đến chức năng của Liên đoàn Lao động huyện trong việc tham gia với cơ quan Nhà nước xây dựng và kiểm tra giám sát việc chấp hành pháp luật, thực hiện các cơ chế, chủ trương, chính sách quản lý có liên quan trực tiếp đến phát triển sản xuất, giải quyết việc làm, cải thiện đời sống vật chất, tinh thần của cán bộ, công chức và người lao động; tham gia kiểm tra, giám sát hoạt động của cơ quan Nhà nước, tổ chức kinh tế góp phần bảo đảm các quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp, chính đáng của cán bộ, công chức và người lao động; đồng thời tổ chức, giáo dục, động viên cán bộ, công chức và người lao động tích cực thực hiện các nhiệm vụ về chính trị, kinh tế, xã hội, an ninh, quốc phòng.

Điều 2. Tham gia xây dựng các văn bản

1. Các phòng, ban, ngành được Ủy ban nhân dân huyện giao chủ trì soạn thảo văn bản có liên quan đến cán bộ, công chức, viên chức, công nhân lao động như: Lao động, việc làm, tiền công, tiền lương, an toàn vệ sinh lao động và phòng chống cháy nổ, vệ sinh môi trường, cũng như các chính sách xã hội khác có trách nhiệm gửi văn bản dự thảo đến Ban Thường vụ Liên đoàn Lao động huyện trước khi tổ chức họp ít nhất 02 ngày để lấy ý kiến tham gia.

2. Ban Thường vụ Liên đoàn Lao động huyện có trách nhiệm cử đại diện trực tiếp tham gia cùng cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản.

3. Trường hợp ý kiến tham gia của Ban Thường vụ Liên đoàn Lao động huyện và ý kiến của cơ quan chủ trì soạn thảo chưa thống nhất thì cơ quan chủ trì soạn thảo phải báo cáo Ủy ban nhân dân huyện để xem xét quyết định theo thẩm quyền.

Điều 3. Tổ chức phong trào thi đua lao động sản xuất, thực hành tiết kiệm, chống tham nhũng, lãng phí trong cán bộ, công chức, người lao động

1. Ủy ban nhân dân huyện có trách nhiệm đề ra mục tiêu, nội dung, tiến độ triển khai các phong trào thi đua hàng năm; tổ chức khen thưởng tập thể, cá nhân tiêu biểu xuất sắc; xem xét quyết định việc tổ chức các phong trào thi đua và danh hiệu thi đua mới.

2. Ban Thường vụ Liên đoàn Lao động huyện có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân huyện tổ chức phát động phong trào thi đua, xây dựng chương trình kế hoạch; chỉ đạo công đoàn cơ sở trực thuộc huyện triển khai và vận động công nhân, viên chức - lao động tham gia; tổ chức kiểm tra, hướng dẫn phong trào; phát hiện, tuyên truyền các điển hình tiên tiến; lựa chọn đề xuất các đơn vị, cá nhân tiêu biểu đề nghị Ủy ban nhân dân huyện khen thưởng; đề xuất các hình thức, biện pháp chỉ đạo danh hiệu thi đua mới có liên quan đến phong trào thi đua trong công chức, viên chức, công nhân lao động.

3. Liên đoàn Lao động huyện có trách nhiệm chỉ đạo công đoàn cơ sở trực thuộc huyện tuyên truyền, giáo dục cán bộ, công chức và người lao động thực hiện các quy định của pháp luật về phòng, chống tham nhũng; kiến nghị các biện pháp nhằm phát hiện, phòng ngừa và đấu tranh chống tham nhũng.

Điều 4. Công tác kiểm tra, giám sát việc chấp hành pháp luật, chế độ chính sách liên quan đến quyền, nghĩa vụ và lợi ích của CNVC - LĐ

1. Ban Thường vụ Liên đoàn Lao động huyện được cử người tham gia các đoàn thanh, kiểm tra hoặc thành lập đoàn kiểm tra theo Luật Công đoàn trong việc thực hiện chế độ chính sách pháp luật có liên quan đến quyền, lợi ích của cán bộ, công chức, viên chức, công nhân lao động theo quy định của pháp luật. Khi cần thiết, Ban Thường vụ Liên đoàn Lao động huyện xây dựng và đề xuất kế hoạch kiểm tra để Ủy ban nhân dân huyện xem xét đưa vào kế hoạch thanh tra, kiểm tra của huyện.

2. Căn cứ vào kết quả thanh tra, kiểm tra liên ngành hoặc độc lập kiểm tra, Ban Thường vụ Liên đoàn Lao động huyện báo cáo kết quả và những đề xuất, kiến nghị các vấn đề có liên quan đến quyền, lợi ích của công chức, viên chức, công nhân lao động và hoạt động Công đoàn để Ủy ban nhân dân huyện xem xét và giải quyết kịp thời.

Điều 5. Giải quyết các kiến nghị của cán bộ, công chức, viên chức, công nhân lao động

1. Ban Thường vụ Liên đoàn Lao động huyện có trách nhiệm phối hợp, giám sát và tập hợp tình hình thực hiện các chế độ chính sách, pháp luật có liên quan đến quyền, nghĩa vụ và lợi ích của cán bộ, công chức, công nhân lao động ở các đơn vị, các xã, thị trấn, các cơ sở, doanh nghiệp trên địa bàn huyện. Khi có vấn đề phát sinh hoặc thấy có dấu hiệu vi phạm pháp luật phối hợp chặt chẽ với các ngành chức năng của huyện giải quyết theo thẩm quyền được pháp luật quy định, lấy việc giải quyết trực tiếp tại chỗ và từ cơ sở là chủ yếu.

2. Trường hợp đơn thư kiến nghị, khiếu nại tố cáo của công chức, viên chức, công nhân lao động đã được Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn và các ngành chức năng hoặc Ủy ban nhân dân huyện giải quyết nhưng Liên đoàn Lao động huyện còn có ý kiến khác thì Chủ tịch Liên đoàn Lao động huyện có văn bản kiến nghị Chủ tịch UBND huyện xem xét giải quyết theo luật định.

Điều 6. Giải quyết tranh chấp lao động và đình công

1. Ủy ban nhân dân huyện chỉ đạo các phòng ban, ngành chức năng được phân công giải quyết tranh chấp lao động tập thể, đình công phối hợp với Liên đoàn Lao động huyện giải quyết kịp thời theo đúng quy định của pháp luật.

2. Ban Thường vụ Liên đoàn Lao động huyện có trách nhiệm phối hợp với các ngành chức năng nắm bắt tình hình về quan hệ lao động tại các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp, chỉ đạo Công đoàn cơ sở có các biện pháp xây dựng và cải thiện mối quan hệ lao động tại các cơ sở.

3. Ban Thường vụ Liên đoàn Lao động huyện kịp thời phát hiện, chủ động phối hợp với các ngành chức năng giải quyết các mâu thuẫn, tranh chấp lao động và đình công khi xảy ra theo hướng đối thoại, hòa giải dựa trên các quy định của pháp luật, không để kéo dài ảnh hưởng trực tiếp đến tình hình an ninh, chính trị và phát triển kinh tế - xã hội của huyện.

Điều 7. Hỗ trợ ngân sách Công đoàn

1. Hàng năm, Ban Thường vụ Liên đoàn Lao động huyện lập dự trù kinh phí hoạt động gửi Ủy ban nhân dân huyện để lập dự toán trình Ủy ban nhân dân thành phố xem xét quyết định.

2. Ủy ban nhân dân huyện bảo đảm cấp đầy đủ kinh phí hoạt động cho Liên đoàn Lao động huyện theo Luật Ngân sách Nhà nước. Trong trường hợp đột xuất, phát sinh chi lớn phục vụ các hoạt động, tổ chức phong trào thi đua Liên đoàn Lao động huyện lập dự toán qua Phòng Tài chính - Kế hoạch đề nghị Ủy ban nhân dân huyện xem xét chi hỗ trợ.

Điều 8. Chế độ hội họp

1. Chủ tịch Liên đoàn Lao động huyện (hoặc người được ủy quyền) được mời dự các phiên họp của Ủy ban nhân dân huyện để bàn và giải quyết các vấn đề có liên quan đến tổ chức Công đoàn, đến quyền, nghĩa vụ và lợi ích của công chức, viên chức, công nhân lao động và các vấn đề khác khi cần thiết.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện (hoặc người được ủy quyền) được mời dự các kỳ họp của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Liên đoàn Lao động huyện khi bàn các vấn đề có liên quan đến việc làm, đời sống của công chức, viên chức, công nhân lao động và hoạt động của các doanh nghiệp trên địa bàn huyện.

Điều 9. Chế độ thông tin, báo cáo

1. Ban Thường vụ Liên đoàn Lao động huyện có trách nhiệm thông tin, báo cáo cho Ủy ban nhân dân huyện những vấn đề có liên quan đến tình hình tư tưởng, việc làm, đời sống, thực hiện chế độ chính sách, pháp luật có liên quan đến công chức, viên chức, công nhân lao động và hoạt động công đoàn theo định kỳ 06 tháng, 01 năm hoặc đột xuất khi cần thiết.

2. Ủy ban nhân dân huyện có trách nhiệm thường xuyên thông tin cho Ban Thường vụ Liên đoàn Lao động huyện về tình hình kinh tế - xã hội, các chính sách của địa phương mới ban hành có liên quan đến quyền, nghĩa vụ, lợi ích hợp pháp của công chức, viên chức, công nhân lao động và những vấn đề liên quan đến hoạt động của Liên đoàn Lao động huyện.

3. Ủy ban nhân dân huyện có trách nhiệm gửi đến Liên đoàn Lao động huyện các văn bản quy phạm pháp luật, chương trình công tác của Ủy ban nhân dân huyện, văn bản có liên quan đến Liên đoàn Lao động.

Điều 10. Tổ chức thực hiện

1. Căn cứ các quy định về mối quan hệ công tác, Thường trực Ủy ban nhân dân huyện, Ban Thường vụ Liên đoàn Lao động huyện có kế hoạch phối hợp, có biện pháp cụ thể kiểm tra thực hiện Quy chế này.

2. Vào cuối quý IV hàng năm, Thường trực Ủy ban nhân dân huyện và Ban Thường vụ Liên đoàn Lao động huyện cùng họp kiểm điểm, đánh giá công tác phối hợp thực hiện Quy chế.

3. Văn phòng Ủy ban nhân dân huyện, Liên đoàn Lao động có trách nhiệm phối hợp, theo dõi và tham mưu tổ chức sơ, tổng kết việc thực hiện Quy chế này.

Điều 11. Điều khoản thi hành

Trong quá trình thực hiện Quy chế, nếu có vấn đề phát sinh cần bổ sung, sửa đổi thì Thường trực Ủy ban nhân dân huyện và Ban Thường vụ Liên đoàn Lao động huyện sẽ trao đổi để có sự thống nhất chung./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Lê Minh Tấn

UBND thành phố Hồ Chí Minh xuất bản

Điện thoại: 38.233.686

Fax: (84.8) 38.233.694

Email: ttcb@tphcm.gov.vn

Website: www.congbao.hochiminhcity.gov.vn

In tại Xí nghiệp Bản đồ Đà Lạt - Bộ Quốc phòng

Giá: 5.000 đồng